KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN NGỮ VĂN LỚP 12 NĂM HỌC 2026-2027

SỞ GD-ĐT TP ĐÀ NẴNG

TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỂN

KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN LỚP 12

GV: Đỗ Thị Thu Thủy

BÀI 3: LẬP LUẬN TRONG VĂN BẢN NGHỊ LUẬN

A. MỤC TIÊU CHUNG

1. Về kiến thức:

- Nhận biết, phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, độc đáo trong văn bản; chỉ ra mối liên hệ của chúng; đánh giá được mức độ phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề của văn bản.
- Nhận biết được mục đích của người viết, biết tiếp nhận, đánh giá, phê bình nội dung văn bản với tư duy phê phán, dựa trên trải nghiệm và quan điểm của người đọc.
- Phân tích và đánh giá được việc sử dụng một số thao tác như chứng minh, bình luận, bác bỏ, giải thích, phân tích, so sánh trong văn bản nghi luận.
- Nhận biết được lỗi logic và lỗi câu mơ hồ, biết cách sửa lỗi và rút kinh nghiệm.

2. Về năng lực:

- Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (quan niệm sống, định hướng tương lai, cách ứng xử trong các mối quan hệ...).
- Biết thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.

***Tích hợp phát triển năng lực số:**

1.1.NC1a Đáp ứng được nhu cầu thông tin,

1.1.NC1b Áp dụng được kỹ thuật tìm kiếm để lấy được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số,

3. Về phẩm chất:

- Có ý thức bảo tồn và phát huy các giá trị của văn hoá dân tộc.
- Trân trọng, hướng tới những giá trị tốt đẹp trong cuộc sống.

B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

Tiết 26,27

ĐỌC VĂN BẢN 1: NHÌN VỀ VỐN VĂN HÓA DÂN TỘC

(TRẦN ĐÌNH HƯỢU)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- HS nhận biết được một số mặt của vốn văn hoá dân tộc; nắm được những nét đặc thù của văn hoá Việt Nam; định hướng mà tác giả gợi ý cho việc tìm hiểu, nghiên cứu bản sắc văn hoá Việt Nam; nhận thức rõ tính cấp thiết của việc giữ gìn, phát huy, phát triển vốn văn hoá dân tộc trong bối cảnh hội nhập quốc tế.
- HS nhận biết được luận đề, các luận điểm, cách thức lập luận của tác giả thể hiện trong từng luận điểm và cả đoạn trích; việc sử dụng phối hợp các thao tác trong bài nghị luận để tăng sức thuyết phục cho bài viết.

2. Về năng lực:

- Vận dụng kiến thức vào phân tích và đánh giá việc sử dụng một số thao tác như chứng minh, bình luận, bác bỏ, giải thích, phân tích, so sánh trong văn bản nghị luận.
- Kết nối đọc hiểu với việc viết đoạn văn nghị luận xã hội liên quan đến vấn đề đặt ra trong văn bản.

3. Về phẩm chất: Có ý thức bảo tồn và phát huy các giá trị của văn hoá dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:

- SGK, SGV *Ngữ văn 12*, tập một
- Máy tính, máy chiếu, phiếu học tập

2. Học liệu:

- Tư liệu, hình ảnh tác giả Trần Đình Hượu
- Tư liệu, hình ảnh về một số di sản văn hoá dân tộc

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ:

- Kiểm tra sự chuẩn bị của hs
- Kết hợp trong giờ

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. Nội dung:

- GV cho HS chơi trò chơi: AI NHANH HƠN
- Nội dung trò chơi: GV chiếu các hình ảnh di sản văn hóa của dân tộc. Nhiệm vụ của học sinh là nhận diện, gọi tên các di sản văn hóa đó.

- Giáo viên đặt câu hỏi phát vấn và giới thiệu bài học

c. Sản phẩm:

Câu trả lời của HS: HS gọi tên và miêu tả vài nét đặc trưng về di sản văn hóa đó.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên chiếu ngữ liệu (PP) - Giáo viên đặt câu hỏi phát vấn sau khi kết thúc trò chơi: *Trong hoàn cảnh hội nhập hiện nay, vì sao mỗi người VN cần hiểu biết về các di sản văn hóa của dân tộc mình?*	**1. Một số di sản văn hóa dân tộc:** - Hoàng Thành Thăng Long là chứng nhân ngàn năm lịch sử của đất Việt - Thành nhà Hồ là công trình kiến trúc hiếm hoi được xây dựng hoàn toàn bằng lũy đá còn tồn tại duy nhất tại Đông Nam Á - Áo dài truyền thống - Tranh Đông Hồ

B2. Thực hiện nhiệm vụ: - Học sinh theo dõi và trả lời câu hỏi **B3. Báo cáo thảo luận:** - Học sinh báo cáo và thảo luận **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - Giáo viên chốt ý và dẫn dắt vào bài học.	- Chùa Một Cột - Tháp Bút - Bánh chưng ngày Tết …. **2. Trong bối cảnh hội nhập toàn cầu hiện nay, việc hiểu biết về các di sản văn hóa của dân tộc có tầm quan trọng đặc biệt đối với mỗi người Việt Nam vì các lý do sau:** - Di sản văn hóa là một phần quan trọng của bản sắc dân tộc. Khi hiểu biết về di sản văn hóa, mỗi người Việt Nam có thể tự hào và giữ gìn những giá trị, truyền thống của dân tộc mình. - Trong quá trình hội nhập, mỗi người Việt Nam đều có thể trở thành những "đại sứ văn hóa". Hiểu biết về di sản văn hóa giúp giới thiệu và quảng bá những giá trị văn hóa đặc sắc của Việt Nam đến bạn bè quốc tế, góp phần nâng cao hình ảnh và vị thế của Việt Nam trên thế giới. - Di sản văn hóa là cầu nối gắn kết các thế hệ và các vùng miền trong nước. Khi hiểu biết và tôn trọng di sản văn hóa, mọi người sẽ có tinh thần đoàn kết và đồng thuận cao hơn trong việc xây dựng và phát triển đất nước.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN

a. Mục tiêu: HS khắc sâu kiến thức về yếu tố đặc trưng của văn bản nghị luận (luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng); củng cố về cách sử dụng các thao tác lập luận trong văn bản.

b. Nội dung:

- GV yêu cầu HS đọc và tìm hiểu phần tri thức trong sgk.
- HS thảo luận và trả lời các câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS; sơ đồ hóa kiến thức.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - HS đọc phần Tri thức ngữ văn của bài học, tự tìm hiểu nội dung các khái niệm được diễn giải trong SGK. - Thảo luận và trả lời các câu hỏi sau: + Hãy diễn giải ngắn gọn khái niệm lập luận. Nêu ví dụ về lập luận thể hiện trong một văn bản nghị luận đã học. + Lập luận được thực hiện trong từng đoạn văn hay trong toàn bộ văn bản? Nêu ví dụ	**A . Tri thức Ngữ văn** **1. Lập luận trong văn bản nghị luận** **2. Các thao tác được sử dụng trong bài văn nghị luận: Chứng minh**, **bình luận** ,b**ác bỏ**, **giải thích** ,p**hân tích** ,**so sánh** 3.*Lỗi logic của câu* *4.Lỗi câu mơ hồ*

minh hoạ. + Lập luận thể hiện như thế nào qua mối quan hệ giữa luận đề với luận điểm, giữa các luận điểm với nhau? + Lí lẽ và bằng chứng có vai trò như thế nào đối với việc lập luận? + Vì sao chứng minh, bác bỏ, bình luận được xem là các thao tác đặc thù của văn bản nghị luận? + Các thao tác giải thích, phân tích, so sánh có vai trò như thế nào trong văn bản nghị luận? **B2. Thực hiện nhiệm vụ** HS đọc kĩ nội dung phần Tri thức ngữ văn ở SGK, suy nghĩ để trả lời những câu hỏi trên. **B3. Báo cáo thảo luận:**HS báo cáo kết quả **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV khai thác vốn hiểu biết mà HS đã tích lũy được qua quá trình học về văn bản nghị luận. - Chốt kiến thức	

Nội dung 2: ĐỌC VĂN BẢN: NHÌN VỀ VỐN VĂN HÓA DÂN TỘC

2.1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu: Đọc VB và tìm hiểu các thông tin về tác giả, tác phẩm, những thông tin ngoài văn bản giúp ích cho việc đọc hiểu.

b. Nội dung:

- Vận dụng kĩ thuật đọc văn bản
- Tìm hiểu thông tin tư liệu về tác giả và tác phẩm

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ **1. Đọc:** - GV đọc mẫu một đoạn và hướng dẫn HS chọn giọng đọc phù hợp với nội dung văn bản và thái độ của tác giả khi bàn về văn hoá dân tộc. - Nhắc HS chú ý nghĩa của các từ ngữ được giải thích ở chân trang. **2. Tác giả** - Nêu những thông tin về tác giả? - Theo em thông tin nào là quan trọng nhất trong việc tiếp cận văn bản? **3. Tác phẩm** - Xuất xứ, vị trí của văn bản? - Nội dung chính? - Thể loại?	**I. Tìm hiểu chung** **1. Tác giả: sgk** **2. Văn bản** - Vị trí: Văn bản Nhìn về vốn văn hóa dân tộc trích phần II của tiểu luận Về vấn đề tìm đặc sắc văn hóa dân tộc công bố năm 1986. - Nội dung: những nhận định mang tính bao quát về bản sắc văn hóa Việt Nam. - Thể loại: văn nhật dụng

B2. Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ theo cặp đôi hoặc cá nhân vào phiếu học tập **B3. Báo cáo thảo luận** - HS báo cáo kết quả, thảo luận trao đổi **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - HS khác nhận xét - GV nhận xét, chốt lại ý chính.	

2.2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, chỉ ra mối liên hệ của chúng.
- Nhận biết được mục đích của người viết, biết tiếp nhận, đánh giá, phê bình nội dung văn bản với tư duy phê phán, dựa trên trải nghiệm và quan điểm của người đọc.

b. Nội dung: HS tìm hiểu các nội dung như: Luận đề; Nghệ thuật lập luận; Sự kết hợp các thao tác nghị luận; Mục đích, thái độ của người viết.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>Hoạt động của Gv và Hs</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr>
<td>Nhiệm vụ 1: Xác định luận đề của văn bản
B1. Chuyển giao nhiệm vụ
Ở văn bản này, tác giả đã nêu vấn đề gì để nghị luận? Chỉ ra mối liên hệ giữa vấn đề đó với nhan đề của văn bản?
B2. Thực hiện nhiệm vụ
- HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và trả lời câu hỏi
- HS báo cáo kết quả, thảo luận trao đổi
B4. Đánh giá kết quả thực hiện:
- HS khác nhận xét
- GV nhận xét, chốt lại ý chính.
Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nghệ thuật lập luận của văn bản
B1. Chuyển giao nhiệm vụ
- Hoàn thành phiếu học tập và trả lời câu hỏi
+ Đặc điểm của văn hoá Việt Nam được tác giả khái quát bằng những luận điểm nào? Tác giả căn cứ vào đâu để khái quát như vậy?
+ Theo em trong bài viết, kết luận nào về văn hoá Việt Nam</td>
<td>II. Khám phá văn bản
1. Vấn đề nghị luận
- Vấn đề nghị luận của văn bản được nêu khái quát trong một vế câu ở phần đầu: "chúng tôi xin đưa ra một số nhận xét về vài ba mặt của cái vốn văn hoá dân tộc".
– Căn cứ xác định: Nội dung này hoàn toàn thống nhất với nhan đề của đoạn trích (Nhìn về vốn văn hoá dân tộc). Nhìn về ở đây là tìm hiểu, khám phá. Kết quả của việc tìm hiểu, khám phá là những nhận xét được rút ra.
2. Nghệ thuật lập luận
<table>
<tr><th colspan="3">Luận đề:
"chúng tôi xin đưa ra một số nhận xét về vài ba mặt của cái vốn văn hoá dân tộc"</th></tr>
<tr><th colspan="2">Luận điểm</th><th>Lí lẽ, bằng chứng</th></tr>
<tr><td>1</td><td>Chúng ta không có nền văn hoá đồ sộ, có những cống hiến lớn lao cho nhân loại, hay có những đặc sắc nổi bật.</td><td>– Thể hiện ở các lĩnh vực văn học, tôn giáo, kĩ thuật, âm nhạc, kiến trúc,… đều không phát
triển đến tuyệt kĩ.
– Chưa bao giờ trong lịch sử dân tộc, một ngành văn hoá nào đó trở thành đài danh dự, thu hút, quy tụ cả nền văn hoá.</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Người Việt Nam coi trọng cuộc sống hiện thế.</td><td>– Trong cuộc sống, ý thức về cá nhân và sở hữu không phát triển</td></tr>
</table>
</td>
</tr>
</table>

là quan trong nhất? Kết luận đó gợi cho em suy nghĩ gì?
+ Nhận xét về cách nêu vấn đề, cách sắp xếp luận điểm, cách lập luận của người viết.

B2. Thực hiện nhiệm vụ
- HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm

B3. Báo cáo thảo luận
- Đại diện nhóm báo cáo kết quả
- Thảo luận, phản biện giữa các nhóm

B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ
- GV nhận xét, chốt kiến thức
- Cho điểm sản phẩm báo cáo tốt của hs.

Tư tưởng Hồ Chí Minh:
- Tôn trọng,giữ gìn vốn văn hóa dân tộc.
- Phát huy,bảo vệ di sản văn hóa dân tộc

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu sự kết hợp các thao tác lập luận trong văn bản

B1. Chuyển giao nhiệm vụ
- Nhóm 1,3: "Giữa các dân tộc, chúng ta không thể tư hào

		cao. – Người Việt Nam lo cho con cháu; mong ước thái bình, an cư lạc nghiệp; ưa chuộng con người hiền lành, tình nghĩa; ca tụng sự khôn khéo;…
3	Người Việt Nam ưa những gì vừa phải, chừng mực, không thích cái hoành tráng, cầu kì.	Làm rõ ở màu sắc, quy mô, giao tiếp, trang phục,…
4	Tinh thần chung của nền văn hoá Việt Nam là thiết thực, linh hoạt, dung hoà.	Lối sống, quan niệm sống,…
5	Văn hoá Việt Nam là sự dung hợp giữa cái vốn có, cái riêng và tiếp thu cái bên ngoài.	Văn hoá Phật giáo, văn hoá Nho giáo, cái được dân tộc sàng lọc, tinh luyện để thành bản sắc.

Kết luận

Tinh thần chung của văn hoá Việt Nam là thiết thực, linh hoạt, dung hoà.

→Kết luận quan trọng vì đã thâu tóm tất cả những luận điểm, nêu bật đặc điểm của văn hoá Việt Nam mà tác giả trình bày trước đó; gợi mở, có ý nghĩa định hướng cho việc đi sâu nghiên cứu từng bình diện của văn hoá dân tộc.

►Nhận xét:
- Cách nêu vấn đề nghị luận: nêu ngắn gọn, trực tiếp bằng một vế của câu mở đầu. Điều đó giúp người đọc xác định dễ dàng vấn đề nghị luận.
- Cách sắp xếp luận điểm: Tác giả dựa vào biểu hiện nhiều mặt của văn hoá Việt Nam trong suốt quá trình lịch sử: tôn giáo, văn chương, âm nhạc, kiến trúc, quân sự, lối sống, giao tiếp, ứng xử, việc tiếp thu các triết thuyết Nho, Phật, Lão,… để khái quát thành các luận điểm. →Cách sắp xếp các luận điểm của văn bản: logic, chặt chẽ, thuyết phục.
- Cách lập luận:
+Tác giả sử dụng lập luận chặt chẽ, logic để tăng tính thuyết phục cho bài viết.
+ Lập luận của tác giả đi từ khái niệm đến thực trạng, từ thực trạng đến giải pháp.

3. Sự kết hợp các thao tác lập luận:

là nền văn hoá của ta đồ sộ, có những cống hiến lớn lao cho nhân loại, hay có những đặc sắc nổi bật" - luận điểm này đã được tác giả chứng minh như thế nào? Lập luận của tác giả có sức thuyết phục không? Vì sao? - ***Nhóm 2,4:*** Nêu và phân tích một số thao tác nghị luận được tác giả sử dụng nhằm làm tăng tính thuyết phục cho văn bản. **B2. Thực hiện nhiệm vụ** - HS vận dụng kiến thức đã được cung cấp ở phần *Tri thức ngữ văn* để nhận diện các thao tác mà tác giả sử dụng trong văn bản. Từ đó phân tích để làm rõ nội dung nghị luận thể hiện ở từng thao tác. - HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm **B3. Báo cáo thảo luận** - Đại diện nhóm báo cáo kết quả - Thảo luận, phản biện giữa các nhóm **B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - GV nhận xét, chốt kiến thức - Cho điểm sản phẩm báo cáo tốt của hs. **Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu thái độ, tình cảm của người viết trong văn bản** **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** Khi nghiên cứu về văn hoá Việt Nam, tác giả đã bộc lộ thái độ gì? Bạn suy nghĩ như thế nào về thái độ nghiên cứu đó? + Tác giả tán thành hay phản đối điều gì? + Sự tán thành hay phản đối	* Thao tác chứng minh: "Giữa các dân tộc, chúng ta không thể tư hào là nền văn hoá của ta đồ sộ, có những cống hiến lớn lao cho nhân loại, hay có những đặc sắc nổi bật" - luận điểm này đã được tác giả chứng minh bằng các bằng chứng: + Nước ta không sản sinh ra một tôn giáo, một trường phái triết học, một ngành khoa học, một nền âm nhạc, hội hoạ,... phát triển đến mức có ảnh hưởng phổ biến và lâu dài đến toàn bộ văn hóa, thành đặc sắc văn hoá, thiên hướng văn hoá của dân tộc. + Thần thoại không phong phú; tôn giáo và triết học không phát triển; các ngành khoa học, kỹ thuật không có truyền thống; âm nhạc, hội hoạ, kiến trúc đều ở mức vừa phải; hiếm có nhà thơ để lại nhiều tác phẩm,... + Thực tế đó cho thấy văn hoá Việt Nam là văn hoá của dân nông nghiệp định cư, không có nhu cầu lưu chuyển, trao đổi, không có sự kích thích của đô thị. * Thao tác bình luận: Sau khi nêu một thực tế, tác giả đặt câu hỏi như một cách đánh giá: "Phải chăng đó là kết quả của ý thức lâu đời về sự nhỏ yếu, về thực tế nhiều khó khăn, nhiều bất trắc?". * Thao tác bác bỏ: Bằng lập luận của mình, tác giả thể hiện sự không tán đồng quan điểm đề cao tầm vóc, quy mô và ảnh hưởng lớn lao của văn hoá Việt Nam từng phổ biến một thời. * Thao tác phân tích: Chẳng hạn ở phần 3, tác giả đã chia tách từng khía cạnh để cho thấy người Việt Nam ít tinh thần tôn giáo. * Thao tác giải thích: Ví dụ, để nói rõ người Việt Nam ít tinh thần tôn giáo, tác giả giải thích thêm: "Không phải người Việt Nam không mê tín, họ tin có linh hồn, ma quỷ, thần Phật. Nhiều người thực hành cầu cúng. Nhưng về tương lai, họ lo cho con cháu hơn là linh hồn của mình". →Nhìn chung, các thao tác nói trên được tác giả sử dụng hết sức linh hoạt, nhuần nhị, phối hợp với nhau chặt chẽ, uyển chuyển trong từng luận điểm để đạt hiệu quả lập luận tối đa. **4.Thái độ, tình cảm của người viết:** - Ở văn bản này, tác giả thoát khỏi thái độ ca ngợi hoặc chê bai thường thấy khi bàn về những đặc điểm nổi bật của văn hoá Việt Nam. Chê hay khen vốn là phản ứng tình cảm hoàn toàn có lý do tồn tại trong một bài nghị luận, vì văn nghị luận không loại trừ yếu tố biểu cảm. Tuy nhiên, để nêu kiến nghị một cách khoa học, tác giả đã không sa vào một trong hai thái độ đó. - Giọng văn điềm tĩnh, khách quan phù hợp với việc trình bày các luận điểm cũng như triển khai các thao tác nghị

đó được thể hiện bằng giọng nói như thế nào? + Em có đồng tình với thái độ của tác giả khi nói về những vấn đề đó không? **Tích hợp lí tưởng, đạo đức, cách mạng, lối sống* **B2. Thực hiện nhiệm vụ** - HS thảo luận về vấn đề, **B3. Báo cáo thảo luận** - HS báo cáo kết quả **B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** GV nhận xét, góp ý các ý kiến của HS, khẳng định quan điểm xác đáng.	luận để làm sáng tỏ vấn đề. Nếu hiểu cái đích xa mà tác giả hướng đến là góp phần xây dựng một chiến lược phát triển mới cho đất nước, đưa đất nước thoát khỏi tình trạng kém phát triển thì ta mới có thể nhận ra nguồn cảm hứng thật sự của tác giả.

PHIẾU TÌM HIỂU NGHỆ THUẬT LẬP LUẬN TRONG VĂN BẢN

Họ tên học sinh…… Lớp……

STT	**Luận đề:….**	
	Luận điểm	**Lí lẽ và bằng chứng**
1		
2		
…		
	Kết luận:…	

2.3: Tổng kết

a. Mục tiêu:

- Nhận biết cách triển khai hệ thống luận đề, luận điểm, luận cứ trong văn bản nghị luận.
- Có khả năng đánh giá được hiệu quả của bài viết.

b. Nội dung: Khái quát được những nét cơ bản về nội dung và nghệ thuật lập luận của văn bản.

c. Sản phẩm:

- Sơ đồ hóa được hệ thống luận đề, luận điểm, luận cứ được trình bày trong văn bản.
- Chỉ ra được những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	**Dự kiến sản phẩm**
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: - Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện cách triển khai luận đề, luận điểm, luận cứ của bài viết. - Văn bản được viết nhằm mục đích gì? - Tính chất thuyết phục của văn bản? - Tâm tư, tình cảm được gửi gắm trong văn bản? **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - HS thảo luận – trình bày **B3. Báo cáo thảo luận:** - HS báo cáo, trình bày kết quả thảo luận.	**III. Tổng kết** **1. Nghệ thuật:** - Lập luận khoa học, rõ ràng, chặt chẽ, thuyết phục. - Kết hợp hiệu quả các thao tác lập luận: giải thích, phân tích, chứng minh, giải thích, so sánh... **2. Nội dung:** - Đánh giá phân tích thẳng thắn, khách quan về đặc điểm văn hóa dân tộc với những điểm mạnh và những hạn chế

B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV nhận xét, gợi ý, trao đổi, thống nhất kết quả.	=> Bản sắc văn hóa dân tộc. - Nhiệt huyết yêu nước thể hiện qua niềm mong mỏi, khát khao chân thành xây dựng và phát triển văn hóa dân tộc.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: H/s biết cách xây dựng, triển khai ý trong bài văn nghị luận

b. Nội dung: Xác định được hệ thống luận điểm, luận cứ làm sáng tỏ ý kiến của tác giả Trần Đình Hượu "*Tinh thần chung của văn hóa Việt Nam là "thiết thực, linh hoạt, dung hòa"*. (Trần Đình Hượu, *Đến hiện đại từ truyền thống)*

c. Sản phẩm: Hệ thống các ý chính và mạch lập luận rõ ràng, chặt chẽ

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - H/s tìm ra mạch lập luận: luận điểm, luận cứ, các thao tác lập luận, cách sắp xếp **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - H/s làm việc theo cặp. **B3. Báo cáo thảo luận** **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** H/s thảo luận, nhận xét, đánh giá GV nhận xét, đánh giá, chốt ý	- HS xác định được hệ thống luận điểm, hướng triển khai các luận điểm có thể như sau: * Giải thích:ý kiến của tác giả Trần Đình Hượu * Phân tích và chứng minh tính chất đúng/ sai của ý kiến đó. "Tinh thần chung của văn hóa Việt Nam: - Thiết thực không? biểu hiệnnhuw thế nào? - Linh hoạt không?Biểu hiện như thế nào? - Dung hòa không? Biểu hiện như thế nào? * Kết luận: Khẳng đinh ý nghĩa của ý kiến. Liên hệ mở rông.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) nghị luận về một vấn đề có liên quan, gần gũi với vấn đề trong văn bản "Nhìn về vốn văn hóa dân tộc"

b. Nội dung: HS viết một đoạn văn, liên hệ ý nghĩa tác phẩm với cuộc sống ngày nay

c. Sản phẩm: Bài viết của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ. H/S làm việc ở nhà theo yêu cầu nhiệm vụ viết tiếp đoạn văn theo câu chủ đề sau:"Trong quá trình hiện đại hóa đất nước, việc giữ gìn truyền thống văn hóa dân tộc có cần thiết không?" **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - H/S viết tiếp đoạn văn theo câu chủ đề sau:" Trong quá trình hiện đại hóa đất nước, việc tìm hiểu truyền thống văn hóa dân tộc là cần thiết" **B3. Báo cáo thảo luận** **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhân xét, đánh giá, rút kinh nghiệm cho hs.	* Hình thành mạch lập luận theo logic các câu hỏi sau: - Quá trình hiện đại hóa đất nước đang diễn ra như thế nào? - Việc tìm hiểu truyền thống văn hóa dân tộc cần thiết không? Vì sao? - Truyền thống văn hóa dân tộc được biểu hiện ở những khía cạnh nào?

4. Củng cố:

- Cách đọc hiểu văn bản nghị luận:
+ Văn bản bàn luận về vấn đề gì?
+ Tác giả đưa ra những luận điểm nào?
+ Mỗi luận điểm đó được làm sáng tỏ bằng những dẫn chứng, lí lẽ nào?
+ Tác giả đã sử dụng những thao tác lập luận nào trong bài viết?
+ Cách lập luận có thuyết phục không?
+ Mục đích, thái độ, tình cảm của tác giả thể hiện trong bài viết là gì?
+ Suy nghĩ của bản thân sau khi đọc văn bản?

5. HDVN:

Chuẩn bị bài:

Tiết 28

ĐỌC VĂN BẢN 2: NĂNG LỰC SÁNG TẠO

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nhận biết được bản chất của hoạt động sáng tạo; tầm quan trọng của hoạt động sáng tạo đối với cuộc sống cá nhân và của đất nước trong bối cảnh kinh tế tri thức; tư tưởng của tác giả khi bàn về hoạt động sáng tạo.
- Hiểu được mục đích của người viết, đánh giá được nội dung của văn bản; phân tích hiệu quả của việc phối hợp các thao tác nghị luận trong văn bản.

2. Về năng lực:

- Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận.
- Phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện nội dung chính: bản chất của hoạt động sáng tạo; tầm quan trọng của hoạt động sáng tạo đối với cuộc sống cá nhân và của đất nước trong bối cảnh kinh tế tri thức; tư tưởng của tác giả khi bàn về hoạt động sáng tạo.
- Hiểu được mục đích của người viết.
- Đánh giá được nội dung văn bản và hiệu quả của việc phối hợp các thao tác nghị luận trong văn bản.

***Tích hợp phát triển năng lực số:**

1.1.NC1a HS sử dụng công cụ số để tìm kiếm thông tin nền về tác giả Phan Đình Diệu, tác phẩm, và bối cảnh "kinh tế tri thức".

3. Về phẩm chất: Nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động sáng tạo trong bối cảnh kinh tế tri thức

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu/Tivi, giấy A0, A4…

2. Học liệu: SGK, SGV *Ngữ văn 12,* tập một, một số tư liệu ảnh có liên quan đến tác giả Phan Đình Diệu và văn bản *Năng lực sáng tạo.*

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ: Kết hợp trong tiến trình dạy bài mới

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu**: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Nội dung: Gần đây, có những thành tựu sáng tạo nổi bật nào của con người mà bạn biết? Điểm chung nhất của những thành tựu đó là gì?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Gần đây, có những thành tựu sáng tạo nổi bật nào của con người mà bạn biết? Điểm chung nhất của những thành tựu đó là gì? **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận cặp đôi **B3. Báo cáo thảo luận:** HS chia sẻ kết quả làm việc **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV đánh giá sản phẩm - Gv chuẩn kiến thức 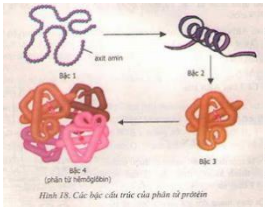 Hình 18. Các bậc cấu trúc của phân tử protein 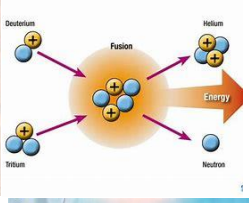 	* Một số thành tựu sáng tạo nổi bật của con người trong thời gian gần đây: Gần đây, con người đã đạt được nhiều thành tựu sáng tạo nổi bật trong nhiều lĩnh vực, mang lại lợi ích to lớn cho cuộc sống. Nhờ ứng dụng những công nghệ tiên tiến, con người đã **giải mã cấu trúc protein**, mở ra tiềm năng chữa trị bệnh tật; **khám phá năng lượng nhiệt hạch**, hứa hẹn giải quyết vấn đề thiếu hụt năng lượng; **tạo ra tế bào gốc từ da người**, góp phần y học tiến bộ. **Trí tuệ nhân tạo AI, công nghệ nano, công nghệ in 3D** là những ví dụ điển hình cho sự sáng tạo trong lĩnh vực công nghệ, giúp con người giải quyết các vấn đề phức tạp hiệu quả hơn. **Âm nhạc trực tuyến**, phim ảnh chất lượng cao và trò chơi điện tử ngày càng thu hút đông đảo người dùng, thể hiện sự sáng tạo trong lĩnh vực nghệ thuật. * Điểm chung nhất của những thành tựu này: - Tất cả đều dựa trên những tiến bộ khoa học và công nghệ. - Tất cả đều có tiềm năng cải thiện cuộc sống của con người. - Tất cả đều cho thấy sự sáng tạo không ngừng của con người. Ngoài những thành tựu trên, còn rất nhiều thành tựu sáng tạo khác của con người mà bạn có thể tìm hiểu thêm. Việc theo dõi những thành tựu này sẽ giúp bạn cập nhật những tiến bộ mới nhất của khoa học, công nghệ và nghệ thuật, đồng thời khơi gợi niềm cảm hứng sáng tạo của bản thân.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu: HS nắm được những thông tin cơ bản về tác giả và tác phẩm "Năng lực sáng tạo"

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, khái quát thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS và phiếu học tập

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm

<table>
<tr>
<td>B1. Chuyển giao nhiệm vụ
Đọc kĩ phần giới thiệu về tác giả và tác phẩm SGK- tr. 71. Hoàn thành phiếu học tập sau:
<table>
<tr><td>Giới thiệu về tác giả Phan Đình Diệu?</td><td></td></tr>
<tr><td>Thể loại, xuất xứ, nội dung chính của tác phẩm</td><td></td></tr>
</table>
B2. Thực hiện nhiệm vụ
B3. Báo cáo thảo luận
B4. Đánh giá kết quả thực hiện:
*Tổng hợp phát triển năng lực số:
1.1.NC1a Tìm kiếm và thu thập các tài liệu bổ sung trên internet để hiểu rõ hơn về tầm quan trọng của sáng tạo trong thời đại 4.0.</td>
<td>I. Tìm hiểu chung
1.Tác giả:sgk
2. Tác phẩm “Năng lực sáng tạo”
- Thể loại: Nghị luận
- Xuất xứ: Trích trong cuốn Một góc nhìn của trí thức (Tập 4)
- Nội dung: Văn bản tập trung làm rõ khái niệm, tầm quan trọng, điều kiện và giải pháp để phát triển năng lực sáng tạo</td>
</tr>
</table>

Nội dung 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Học sinh nhận biết được đặc điểm và cấu trúc của văn bản nghị luận
- Học sinh phân tích được các luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng cũng như mối quan hệ giữa chúng với luận đề của văn bản; nhận biết và giải thích được sự phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề của văn bản.
- Học sinh đánh giá được nội dung và nghệ thuật của văn bản
- Học sinh vận dụng năng lực viết để thực hành viết kết nối đọc sau bài học

b. Nội dung:

- Học sinh tiến hành chia nhóm tìm hiểu theo các luận điểm của bài.

Nhóm 1. Xác định cấu trúc nghị luận của bài và mối quan hệ giữa các luận điểm theo gợi ý:

Luận đề	
STT	**Luận điểm**
1	
2	
3	
4	
5	
Nhận xét mối quan hệ giữa các luận điểm	

Nhóm 2. Tìm hiểu về nghệ thuật lập luận

Phân tích cách sử dụng lí lẽ và dẫn chứng trong một luận điểm tự chọn.

Nhận xét về cách sử dụng lí lẽ và bằng chứng trong văn bản *Năng lực sáng tạo* ?

Nhóm 3. Phân tích sự kết hợp các thao tác lập luận.

Những thao tác lập luận nào đã được sử dụng trong văn bản *Năng lực sáng tạo* ? Phân tích tác dụng của việc phối hợp các thao tác lập luận đó?

Nhóm 4. Xác định được mục đích, quan điểm của người viết.

Tác giả thể hiện quan điểm, tư tưởng gì khi bàn về năng lực sáng tạo của con người?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, sản phẩm của nhóm, kết quả trong phiếu học tập.

d. Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>Hoạt động của Gv và Hs</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr>
<td>
Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu hệ thống luận điểm của bài và mối quan hệ giữa các luận điểm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ
Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bản. Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:
Để làm sáng tỏ luận đề "Năng lực sáng tạo" tác giả đã đưa ra hệ thống luận điểm nào? Chỉ ra mối quan hệ giữa các luận điểm đó?
B2. Thực hiện nhiệm vụ:
HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà theo nhóm.
B3. Báo cáo thảo luận:
- Học sinh cử đại diện báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.
- GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.
B4. Đánh giá kết quả thực hiện:
- GV đánh giá sản phẩm
- Gv chuẩn kiến thức

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nghệ thuật lập luận
B1. Chuyển giao nhiệm vụ
Phân tích cách sử dụng lí lẽ và dẫn chứng trong một luận điểm tự chọn. Nhận xét về cách sử dụng lí lẽ và bằng chứng trong văn bản Năng lực sáng tạo ?
</td>
<td>
II. Khám phá văn bản
1. Tìm hiểu hệ thống luận điểm của bài và mối quan hệ giữa các luận điểm

* Luận đề: "Năng lực sáng tạo":

* Các luận điểm làm sáng tỏ luận đề:

<table>
<tr><th colspan="2">Luận đề: Năng lực sáng tạo</th></tr>
<tr><th>STT</th><th>Luận điểm</th></tr>
<tr><td>1</td><td>Khó tìm được một định nghĩa rõ ràng nào cho khái niệm sáng tạo và năng lực sáng tạo.</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Cái năng lực sáng tạo để làm nên sự giàu có và sức cạnh tranh của nền kinh tế mới phải là từ mọi thành phần của nền kinh tế đó, tức là từ mọi người trong xã hội.</td></tr>
<tr><td>3</td><td>Cái chung nhất của sáng tạo là tìm kiếm những cái mới.</td></tr>
<tr><td>4</td><td>Sáng tạo là một loại lao động phức tạp và vất vả/ Yếu tố năng lực sáng tạo trở thành chìa khoá chính cho mọi quốc gia đi vào tiến trình hội nhập.</td></tr>
<tr><td>5</td><td>Sáng tạo cho đến nay vẫn là năng lực riêng có của con người.</td></tr>
</table>

* Mối quan hệ giữa các luận điểm:

Các luận điểm sắp xếp theo trình tự logic, chặt chẽ, có mối quan hệ mật thiết với nhau: Luận điểm 1 giải thích năng lực sáng tạo là gì => luận điểm 2 nói về phạm vi của hoạt động sáng tạo => luận điểm 3 bàn về bản chất chung của mọi hoạt động sáng tạo => luận điểm 4 khẳng định vai trò của năng lực sáng tạo trong nền kinh tế tri thức => luận điểm 5 khẳng định những điều kiện phát triển năng lực sáng tạo của con người trong bối cảnh cuộc sống hiện tại.
</td>
</tr>
</table>

B2. Thực hiện nhiệm vụ:
HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà theo nhóm.
B3. Báo cáo thảo luận:
- Học sinh cử đại diện báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.
- GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.
B4. Đánh giá kết quả thực hiện:
- GV đánh giá sản phẩm
- Gv chuẩn kiến thức

2. Nghệ thuật lập luận
- Phân tích 1 luận điểm

Luận điểm	Lí lẽ và bằng chứng
Cái năng lực sáng tạo để làm nên sự giàu có và sức cạnh tranh của nền kinh tế mới phải là từ mọi thành phần của nền kinh tế đó, tức là **từ mọi người trong xã hội.**	**Lí lẽ:** - Mọi người đều tham gia sáng tạo, và mọi người đều có năng lực sáng tạo. - Nói mọi người đều sáng tạo thì có vẻ khó tin nhưng đổi mới tư duy ở đây đòi hỏi trước hết phải xác lập niềm tin đó… - … **Dẫn chứng:** Trong danh sách 10 chìa khoá hàng đầu để phát triển năng lực sáng tạo cá nhân do tổ chức Coach Ville đề xuất…

-Tác giả đã sử dụng lí lẽ và bằng chứng một cách hiệu quả, làm cho bài viết *Năng lực sáng tạo* có tính thuyết phục cao.
+ Lí lẽ: sử dụng để **làm nổi bật các luận điểm**, sắp xếp một cách **logic, chặt chẽ** (các luận điểm được trình bày theo trật tự, có mối quan hệ mật thiết với nhau); sử dụng **nhiều lý lẽ** khác nhau (lý lẽ khoa học, lý lẽ thực tiễn, lý lẽ so sánh,...) để làm rõ những luận điểm khác nhau; lý lẽ **thuyết phục** (mang tính khẳng định, rõ ràng, dễ hiểu,...); hướng tới tính phổ quát trong nhận thức về vấn đề năng lực sáng tạo.
+ Bằng chứng: **đa dạng, phong phú** (ví dụ thực tế, số liệu thống kê, ý kiến chuyên gia,...); **cụ thể, rõ ràng** (tính xác thực cao, phù hợp với luận điểm); **hiệu quả** (bổ sung cho lí lẽ, tăng tính thuyết phục cho bài viết); trích dẫn các câu nói của một số nhà khoa học nổi tiếng giúp củng cố cho luận điểm, tăng tính thuyết phục cho bài viết; thể hiện sự hiểu biết của tác giả về vấn đề đang bàn.

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu sự kết hợp các thao tác nghị luận
B1. Chuyển giao nhiệm vụ
Những thao tác lập luận nào đã được sử dụng trong văn bản *Năng lực sáng tạo* ? Phân tích tác dụng của việc phối hợp các thao tác lập luận đó?
B2. Thực hiện nhiệm vụ:
HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà theo nhóm.
B3. Báo cáo thảo luận:
- Học sinh cử đại diện báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.
- GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.
B4. Đánh giá kết quả thực hiện:
- GV đánh giá sản phẩm
- Gv chuẩn kiến thức

3. Sự kết hợp các thao tác nghị luận
Một số thao tác được sử dụng trong văn bản:

STT	Thao tác lập luận	Phân tích
1	Giải thích	Khái niệm "năng lực sáng tạo", tầm quan trọng của năng lực sáng tạo
2	Phân tích	Các biểu hiện của năng lực sáng tạo, điều kiện phát triển năng lực sáng tạo; sự "cộng năng" sức mạnh công nghệ với trí tuệ của từng người để làm nên năng lực sáng tạo chung của dân tộc

Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu mục đích, quan điểm của người viết.

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

Tác giả thể hiện quan điểm, tư tưởng gì khi bàn về năng lực sáng tạo của con người?

B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà theo nhóm.

B3. Báo cáo thảo luận:

- Học sinh cử đại diện báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.
- GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- GV đánh giá sản phẩm
- Gv chuẩn kiến thức

3	Chứng minh	Tầm quan trọng của năng lực sáng tạo thông qua dẫn chứng thực tế, ảnh hưởng của năng lực sáng tạo đến sự phát triển của cá nhân và xã hội
4	Bình luận	Vai trò của năng lực sáng tạo trong cuộc sống hiện đại, giải pháp để phát triển năng lực sáng tạo
5	Bác bỏ	Người viết phản bác quan điểm cho rằng, sáng tạo chỉ gắn với hoạt động của các trí thức, từ đó khẳng định, mọi người đều có thể tham gia sáng tạo

Tác dụng của việc phối hợp các thao tác nghị luận:

+ Tác giả đã sử dụng phối hợp nhiều thao tác lập luận một cách hiệu quả để làm nổi bật vấn đề năng lực sáng tạo: **làm rõ bản chất sự việc** (thao tác giải thích); **chia tách các khía cạnh** cũng như các biểu hiện của hoạt động sáng tạo (thao tác phân tích) để hiểu sâu hơn về vấn đề; **Sử dụng dẫn chứng để củng cố lí lẽ**, gia tăng hiệu quả lập luận (thao tác chứng minh); **phản bác cách nhìn đơn giản về vấn đề** chủ thể sáng tạo (thao tác bác bỏ); **đánh giá** được vai trò to lớn và sự cần thiết của năng lực sáng tạo (thao tác bình luận).

+ Việc phối hợp các thao tác lập luận giúp bài viết có tính logic, chặt chẽ, thuyết phục và kích thích tư duy của người đọc.

4. Mục đích, quan điểm của người viết.

- Tư tưởng của tác giả khi bàn về vấn đề năng lực sáng tạo của con người:

+ Năng lực sáng tạo là phẩm chất thiết yếu, có thể phát triển, cần tạo môi trường khuyến khích sáng tạo, cần được ứng dụng vào thực tiễn

+ Khẳng định vai trò của năng lực sáng tạo trong nền kinh tế tri thức. Cần khơi dậy năng lực sáng tạo trong từng con người và của cả dân tộc để đưa đất nước tiến kịp cùng thế giới trong thời đại kinh tế tri thức.

+ Khẳng định những điều kiện phát triển năng lực sáng tạo của con người trong bối cảnh cuộc sống hiện tại.

- Bên cạnh những tư tưởng chính trên, tác giả còn thể hiện những quan điểm khác như: năng lực sáng tạo gắn liền với tư duy phản biện, khả năng giải quyết vấn đề và kỹ năng giao tiếp…

=> Tác giả thể hiện tư tưởng tích cực về năng lực sáng tạo của con người

Nội dung 3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Tổng kết giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản

b. Nội dung: Gv yêu cầu học sinh trao đổi cặp theo tổng kết giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản

c. Sản phẩm: Phiếu thảo luận của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Gv yêu cầu học sinh trao đổi cặp theo tổng kết giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - Học sinh thực hiện nhiệm vụ. **B3. Báo cáo thảo luận:** - Học sinh báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ. - HS khác theo dõi, tham vấn, trao đổi. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV đánh giá sản phẩm - Gv chuẩn kiến thức	**III. Tổng kết** **1. Nội dung:** - Văn bản đã giải thích được năng lực sáng tạo là gì, phạm vi, bản chất, vai trò của năng lực sáng tạo, những điều kiện để phát huy năng lực sáng tạo. - Khơi dậy năng lực sáng tạo trong từng con người và của cả dân tộc để đưa đất nước tiến kịp cùng thế giới trong thời đại kinh tế tri thức. **2. Nghệ thuật:** - Văn bản thể hiện sự nghiên cứu công phu, nghiêm túc; các ý kiến, số liệu trích dẫn đáng tin cậy, văn phong khoa học, chuẩn mực, thể hiện cái nhìn bao quát về vấn đề năng lực sáng tạo.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS biết cách viết một đoạn NLXH khoảng 150 chữ về một vấn đề liên quan tới thực tiễn.

b. Nội dung: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trả lời câu hỏi: *Phải chăng sự sáng tạo sẽ giúp cuộc sống của mỗi người có thêm ý nghĩa?*

c. Sản phẩm: Bài viết của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. GV giao nhiệm vụ như mục *Nội dung.* **Bước 2.** HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà. HS có nhiều cách triển khai. Tuy nhiên, cần đảm bảo yêu cầu về nội dung và hình thức: - Nội dung: Khẳng định sự sáng tạo giúp cuộc sống của mỗi người có thêm ý nghĩa. + Sự sáng tạo là gì, do đâu mà có? + Tại sao sự sáng tạo sẽ giúp cuộc sống của mỗi người có thêm ý nghĩa? Đó là những ý nghĩa nào? - Hình thức: Đảm bảo quy cách một đoạn văn với độ dài khoảng 150 chữ. **Bước 3 - 4.** GV yêu cầu HS nộp bài tập cho GV, GV chấm ngẫu nhiên 5 sản phẩm và chữa bài vào tiết học tiếp theo.	- Sáng tạo không chỉ là khả năng tạo ra những ý tưởng mới mẻ mà còn là cách tiếp cận với cuộc sống, tạo nên những giá trị cho cuộc đời. - Khi mỗi người áp dụng sự sáng tạo vào cuộc sống hàng ngày, họ có cơ hội khám phá và phát triển bản thân, tạo ra những trải nghiệm độc đáo và ý nghĩa. - Người sáng tạo sẽ vượt qua được những thử thách, khó khan trong cuộc sống và tạo nên thành công vượt bậc. - Với sự sáng tạo, cuộc sống trở nên đa dạng và phong phú hơn, đồng thời đóng góp cho sự phát triển của xã hội.

*** Bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn:**

STT	Tiêu chí	Đạt/ Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng 150 chữ	
2	Đoạn văn đúng chủ đề: *Phải chăng sự sáng tạo sẽ giúp cuộc sống của mỗi người có thêm ý nghĩa?*	

3	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn, có sự kết hợp các thao tác lập luận phù hợp.	
4	Đoạn văn đảm bảo yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.	
5	Đoạn văn thể hiện sự sáng tạo: suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu hoạt động: Hs rút ra bài học kinh nghiệm về việc viết một văn bản nghị luận

b. Nội dung thực hiện:

- Hs thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của Gv
- Gv hướng dẫn Hs thực hiện và trình bày,

c. Sản phẩm: Kết quả hoạt động của Hs

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

Ghi lại những bài học kinh nghiệm về việc viết một văn bản nghị luận.

B2. Thực hiện nhiệm vụ

HS ghi những bài học cho bản thân bằng sơ đồ tư duy.

B3. Báo cáo thảo luận: HS trình bày sản phẩm.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện

- GV đánh giá sản phẩm, chuẩn kiến thức

4. Củng cố:

- Cách triển khai một VB nghị luận thuyết phục
- Cách kết hợp các thao tác lập luận trong VB nghị luận

5. HDVN: Chuẩn bị bài mới: Mấy ý nghĩ về thơ (Nguyễn Đình Thi)

PHÂN TÍCH PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC SỐ CHO HỌC SINH

TT	Tên hoạt động	Tổ chức dạy học	Năng lực số
1	Hoạt động hình thành kiến thức	- Yêu cầu HS tìm kiếm tư liệu, xử lý tư liệu và trình bày trước lớp.	1.1.NC1a Tìm kiếm và thu thập các tài liệu bổ sung trên internet để hiểu rõ hơn về tầm quan trọng của sáng tạo trong thời đại 4.0.

TIẾT 29. TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA KÌ 1

.

I. MỤC TIÊU

1. Yêu cầu cần đạt:

- Hiểu rõ được những yêu cầu khi làm bài Đọc hiểu, bài văn NL VH
- Nhận ra ưu, nhược điểm trong bài làm của mình biết cách sửa chữa, rút kinh nghiệm cho bản thân.

2. Năng lực

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành bài văn NLVH
- Năng lực tiếp thu luyện kỹ năng sửa chữa lỗi trong bài kiểm tra của bản thân và của bạn.

3. Phẩm chất:

- Nghiêm túc chỉnh sửa những lỗi trong bài kiểm tra.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án, SGK
- Bài của học sinh, đề bài, hướng dẫn chấm – biểu điểm.

2. Chuẩn bị của học sinh: Ôn lại kiến thức trong đề kiểm tra.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng khởi cho hs.

b. Nội dung: GV kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh.

c. Sản phẩm: Hs chuẩn bị kiến thức đã học

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS chia sẻ: *Em đã xem lại phần kiến thức đã kiểm tra trong bài kiểm tra hôm trước chưa?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS nghe GV nêu yêu cầu, hoàn thành bài tập thân để trình bày trước lớp.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, khen ngợi các HS đã chia sẻ.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Tiết học hôm nay sẽ nhận xét và chữa bài kiểm tra cuối kì.*

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Nhắc lại, khắc sâu yêu cầu của kiểu bài

a. Mục tiêu: Hiểu rõ được những yêu cầu của kiểu bài.

b. Nội dung: HS sử dụng bài làm, so sánh với đáp án GV đưa ra.

c. Sản phẩm học tập: HS so sánh bài làm với đáp án.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập -GVCần lưu ý điều gì với phần Đọc – hiểu? Đọc kĩ, trả lời đúng yêu cầu câu hỏi cho	**1. Đọc hiểu**

HS nhắc lại yêu cầu chung của bài văn NLVH GV nhắc lại các lưu ý khi làm bài văn NLVHvề so sánh, đánh giá 2 tác phẩm truyện **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS lắng nghe, thực hiện theo yêu cầu của GV. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận** - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	**2. Yêu cầu đối với bài văn NLVH**

Hoạt động 2: Nhận xét ưu, khuyết điểm, trả bài, gọi điểm

a. Mục tiêu: Nhận ra ưu, khuyết điểm của bản thân và cách sửa chữa:

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.

c. Sản phẩm học tập: H HS rút kinh nghiệm bài viết.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV nhận xét chung về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt ở bài viết của HS, chọn một số bài viết thuộc các mức độ khác nhau để HS rút kinh nghiệm. - GV trả bài cho HS, yêu cầu HS chỉnh sửa theo hướng dẫn trong SHS và những phân tích, bổ sung ở trên. **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS nghe yêu cầu, tự sửa các lỗi trong bài làm của mình và rút kinh nghiệm. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**	**II. ƯU, KHUYẾT ĐIỂM:** **1. Ưu điểm:** + Nhiều em đã biết cách làm bài, hiểu yêu cầu của đề. + Trình bày khoa học. - Nêu được quan điểm của bản thân - Thể hiện rõ cá tính trong bài viết; sáng tạo trong cách diễn đạt. **2. Nhược điểm:** - Một số em chưa biết cách làm bài * Kiến thức: + Chưa nắm vững yêu cầu bài làm. + Bài văn nêu còn sơ sài * Diễn đạt: - Dùng từ : Một số em dùng từ ngữ chưa chính xác, chưa biết cách diễn đạt mạch lạc, lôgic. - Lời văn : Một số em viết bài chưa đạt yêu cầu. - Chữ viết : Ẩu, sai lỗi chính tả nhiều, gạch xóa, trình bày không khoa học. **3. Kết quả:**

- GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. - Hướng dẫn HS viết lại bài văn cảm nhận.	**4. Hướng dẫn chữa bài:** - Lỗi chính tả :nh-gi-d, anh - an, … - Lỗi diễn đạt : Lủng củng, lặp từ, sai từ. **III. Trả bài:**

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS củng cố kiến thức.

b. Nội dung: GV giao bài tập, HS suy nghĩ, trả lời.

c. Sản phẩm học tập: HS viết bài theo yêu cầu.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- *GV yêu cầu HS:* Đọc bài viết của các bạn trong nhóm và cùng trao đổi, góp ý.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc và hoàn thành bài tập

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS hoàn thiện bài viết của mình.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để chỉnh sửa bài viết

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để chỉnh sửa lại bài.

c. Sản phẩm học tập: Đoạn văn HS viết được.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS rà soát, chỉnh sửa văn bản tóm tắt vừa hoàn thành theo gợi ý:

Em rút ra kinh nghiệm gì sau khi làm bài văn này?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS nghe yêu cầu và sửa lỗi trong bài kiểm tra theo nhận xét của giáo viên.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS đại diện trình bày.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, lưu ý cả lớp, khen ngợi HS đã trình bày bài tập trước lớp.

TIẾT 30,31
ĐỌC VĂN BẢN 3: MẤY Ý NGHĨ VỀ THƠ
(Trích- Nguyễn Đình Thi)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nhận biết luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, độc đáo trong văn bản;
- Phân tích được mức độ phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề của văn bản "Mấy ý nghĩ về thơ", cách thức lập luận tài hoa của tác giả Nguyễn Đình Thi;
- Hiểu được mục đích của người viết.

2. Về năng lực:

- Đọc hiểu được một văn bản nghị luận văn học: vận dụng những kiến thức về thơ, khả năng cảm thụ thơ để hiểu được quan điểm cũng như cách trình bày quan điểm của tác giả trong văn bản nghị luận văn học.
- Phân tích và đánh giá được việc sử dụng một số thao tác như chứng minh, bình luận, bác bỏ, giải thích, phân tích, so sánh trong văn bản nghị luận văn học;
- Phân biệt được văn bản nghị luận xã hội và văn bản nghị luận văn học;
- Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học về văn bản nghị luận "Mấy ý nghĩ" về thơ để thực hiện một số nhiệm vụ đặt ra trong thực tiễn.

***Tích hợp phát triển năng lực số:**

1.1.NC1a HS sử dụng công cụ số để tìm kiếm thông tin nền về tác giả Nguyễn Đình Thi, bối cảnh ra đời của văn bản và quan điểm về thơ ca của các nhà thơ cùng thời để phục vụ việc bình luận, so sánh.

3. Về phẩm chất:

- Yêu thích thơ ca, có ý thức bồi dưỡng, nâng cao tâm hồn;
- Có ý thức về vai trò và trách nhiệm của thế hệ trẻ với văn học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:

SGK, SGV *Ngữ văn 12,* tập một, bảng, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập…

2. Học liệu: Một số tư liệu ảnh có liên quan đến tác giả Nguyễn Đình 'Thi và văn bản *Mấy ý nghĩ về thơ* trên Internet.

III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu**: Học sinh biết huy động những trải nghiệm về kiến thức nền có liên quan đến việc tiếp nhận nội dung văn bản.

b. Nội dung: Học sinh lắng nghe bài thơ

c. Sản phẩm:

- Cảm nhận được bài thơ.
- Nắm bắt sơ bộ được một số đặc trưng của thơ.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	- HS được kích hoạt tri thức nền

GV cho HS lắng nghe bài thơ "Đây thôn Vĩ Dạ" của Hàn Mặc Tử https://www.youtube.com/watch?v=P0i8cRnNwjM&ab_channel=NSThanhNgang%C3%A2mth%C6%A1 - *Hãy chia sẻ cảm nhận của bạn về bài thơ trên.* - *Từ việc cảm nhận bài thơ, hãy cho biết: một bài thơ muốn tác động đến cảm xúc, tâm hồn người đọc thì cần có những yếu tố nào?* **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ **Bước 3: Báo cáo kết quả:** 3-4 HS báo cáo kết quả **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận** - HS khác nhận xét - GV nhận xét, kết luận	về thơ ca, sẵn sàng tâm thế đón nhận bài học. - Chú ý trân trọng các ý kiến của học sinh, đưa ra đáp án mở, có thể như: Một bài thơ muốn tác động đến cảm xúc của người đọc thì phải thể hiện chân thật cảm xúc, tình cảm của nhân vật trữ tình; có nhịp điệu, nhạc điệu…

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. TÌM HIỂU CHUNG

a. Mục tiêu: Hs nắm được thông tin cơ bản về tác giả và văn bản chuẩn bị cho việc khám phá văn bản

b. Nội dung:

- Hs thực hiện sơ đồ hóa thông tin về tác giả và trả lời câu hỏi về văn bản.
- Gv hướng dẫn Hs thực hiện và trình bày,

c. Sản phẩm: Kết quả hoạt động của Hs

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ 1. Đọc thành tiếng văn bản *Mấy ý nghĩ về thơ* sau khi lắng nghe phần hướng dẫn đọc của GV. Sau khi đọc, HS chia sẻ ấn tượng chung ban đầu về tác phẩm. 2. Tìm hiểu tác giả và tác phẩm: GV yêu cầu HS hoàn thiện phiếu học tập dựa trên phần chuẩn bị ở nhà 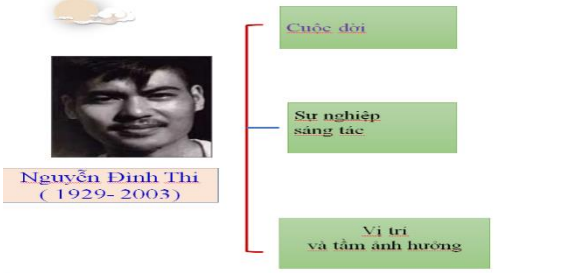 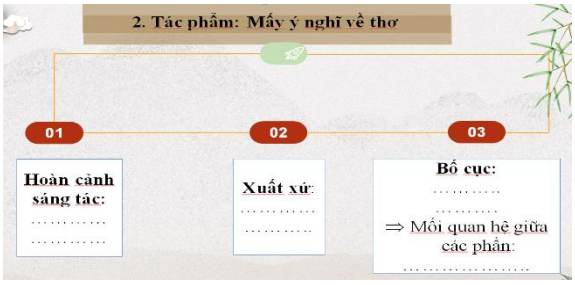 **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**	**I. Tìm hiểu chung** **1. Tác giả** **2. Tác phẩm** - **Hoàn cảnh sáng tác**: *Mấy ý nghĩ về thơ* là tiểu luận được Nguyễn Đình Thi viết từ năm 1949 và đọc tại Hội nghị tranh luận văn nghệ ở chiến khu Việt Bắc. - **Xuất xứ**: In trong tập *Mấy vấn đề văn học* - **Bố cục:** + *Phần 1*: Bình luận một số quan điểm về thơ (*Đoạn 1* - từ"Từ Trước đến nay"đến "nhưng lại không phải là thơ."). + *Phần 2*: Lý giải của tác giả về bản chất của thơ (*Đoạn 2, 3,4* - từ"Đầu mối của thơ có lẽ ta đi tìm bên trong tâm hồn" đến "nhưng thơ thì luôn luôn đòi hỏi sự toàn bích."). + *Phần 3*: Quan niệm của tác giả về vấn đề vần trong thơ và thơ tự do (*Đoạn 5* - từ"Cuối cùng, tôi muốn nói tới vấn đề thơ tự do"đến "giới hạn chỉ còn do sức đi xa của mình.").

- Học sinh làm việc độc lập, khi đọc văn bản, chú ý các thẻ đọc; hoàn thiện phiếu học tập dựa trên sự chuẩn bị bài trước ở nhà. **Bước 3: Báo cáo kết quả** - Đại diện Hs báo cáo kết quả **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận** - HS khác nhận xét - GV nhận xét, kết luận ***Tích hợp phát triển năng lực số:** *1.1.NC1a Tìm kiếm các bài viết, video phân tích về thơ Nguyễn Đình Thi, các bài thơ được trích dẫn để cảm thụ và hiểu sâu hơn quan điểm của tác giả.*	

Nội dung 2: KHÁM PHÁ VĂN BẢN

a. Mục tiêu hoạt động:

- Đọc hiểu được một văn bản nghị luận.
- Vận dụng những kiến thức về thơ, khả năng cảm thụ thơ để hiểu được quan điểm cũng như cách trình bày quan điểm của tác giả trong văn bản nghị luận văn học *Mấy ý nghĩ về thơ.*

b. Nội dung thực hiện: HS đọc VB, vận dụng "tri thức ngữ văn", làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ..

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, sản phẩm của nhóm, kết quả trong phiếu học tập.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: Học sinh tìm hiểu về cấu trúc nghị luận của văn bản qua luận đề, luận điểm, nhan đề của văn bản **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** - HS thảo luận và trả lời 3 câu hỏi: 1. Văn bản bàn về vấn đề gì? 2. Chỉ ra các luận điểm thể hiện quan niệm của tác giả về thơ? 3. Nhận xét mối quan hệ giữa nhan đề với luận đề và hệ thống luận điểm. 4. Hãy chọn một luận điểm và chỉ ra sự phối hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng. **B2. Thực hiện nhiệm vụ** - Hs thảo luận, trao đổi cặp đôi hai câu hỏi trên. **B3. Báo cáo thảo luận** - Đại diện cặp báo cáo nội dung đã thảo luận - Các cặp còn lại lắng nghe, bổ sung và hoàn thiện nội dung vấn đề **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - Hs nhận xét đánh giá	**II. Khám phá văn bản** **1. Tìm hiểu sự kết hợp giữa luận điểm và luận đề** - ***Luận đề:*** Văn bản bàn bạc quan niệm về thơ. ***- Hệ thống luận điểm:*** + Đặc trưng cơ bản nhất của thơ: thể hiện thế giới "bên trong tâm hồn con người". + Thơ không biểu đạt bằng ý niệm, bằng luận lí, mà bằng hình ảnh thấm đẫm cảm xúc. + Chữ và tiếng trong thơ phải có nhịp điệu, nhạc điệu để không chỉ gọi tên sự vật, mà còn gợi ra những ý tứ sâu xa. + Những luật lệ của thơ, từ âm điệu, đến vần, đều là những võ khí rất mạnh trong tay người làm thơ. - ***Nhan đề*** : có sự thống nhất với luận đề: Nhan đề đã nêu rõ đối tượng (thơ), nội dung chính (mấy ý nghĩ) mang tính cá nhân người viết. NĐ được thể hiện cụ thể qua hệ thống luận điểm. **2. Tìm hiểu nghệ thuật lập luận** **Luận điểm: Thơ không biểu đạt bằng ý niệm, bằng luận lí, mà bằng hình ảnh**

- Gv nhận xét, chốt vấn đề\

Nhiệm vụ 2: Học sinh tìm hiểu nghệ thuật lập luận

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

- HS trao đổi nhóm theo yêu cầu:

+ Chọn phân tích một luận điểm mà nhóm tâm đắc theo bảng sau:

Luận điểm:		
Thao tác 1	Thao tác 2	Thao tác 3
.....	.....	.....
- Nhận xét cách triển khai luận điểm của VB. - Rút ra cách triển khai một luận điểm trong bài viết NLVH để viết thuyết phục, hấp dẫn.		

B2. Thực hiện nhiệm vụ

- Hs thảo luận, trao đổi theo nhóm các yêu cầu trên.
- Lớp chia làm 6 nhóm

B3. Báo cáo thảo luận

- Đại diện nhóm báo cáo
- Các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung và hoàn thiện nội dung vấn đề.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- Hs nhận xét đánh giá
- Gv nhận xét, chốt vấn đề

TIẾT 2:

Nhiệm vụ 3: Học sinh tìm hiểu về sự kết hợp các thao tác nghị luận.

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

- HS thảo luận trả lời câu hỏi:

1. Theo tác giả, điều gì đóng vai trò quan trọng trong sáng tạo thơ?
2. Tác giả đã dùng những thao tác nghị

thấm đẫm cảm xúc.

Câu chủ đề: "Nên thơ không nói bằng ý niệm thuần túy"

Giải thích	Bình luận	Chứng minh
Nói bằng ý niệm thuần tuý là chuyện của triết học, luận lý; thơ nói bằng cảm xúc cho nên có sức mạnh lay động chiều sâu của tâm hồn con người.	- Những hình ảnh còn tươi nguyên, mà nhà thơ tìm thấy, bao giờ cũng mới mẻ, đột ngột lạ lùng. Vì nhà thơ "nhìn bằng con mắt của người đầu tiên"...hình ảnh mới tinh...không bị rập khuôn...	- Đưa ra một đoạn ca dao làm dẫn chứng, phân tích để thấy sự tác động vào tâm hồn con người thể hiện cụ thể như thế nào. - Mượn câu nói của một nhà văn Pháp, nhà thơ bao giờ cũng là ngôi thứ nhất. Nhưng những hình ảnh mới lạ ấy đều có trong đời thực, chúng ta đều thấy.
Nhận xét: Luận điểm được xây dựng sáng rõ, mạch lạc; được phân tích bằng sự suy ngẫm, nung nấu sâu sắc, bằng sự trải nghiệm và rung cảm qua thực tiễn sáng tác nên có sức thuyết phục; được chứng minh bằng những hình ảnh sống động lấy từ cuộc sống hằng ngày nên có sức lay động thấm thía, gây ấn tượng mạnh. * Rút ra hướng triển khai luận điểm trong bài viết NLVH để viết thuyết phục, hấp dẫn: Luận điểm -> luận cứ (lí lẽ +dẫn chứng từ sáng tác và thực tiễn)->chọn lựa thao tác lập luận phù hợp.		

3. Tìm hiểu sự kết hợp các thao tác nghị luận

- Trong văn bản, có những câu đáng chú ý, chẳng hạn: *"Làm thơ, ấy là dùng lời và những dấu hiệu thay cho lời nói, tức là chữ - để thể hiện một trạng thái tâm lý đang rung chuyển khác thường. Làm thơ là đang sống, không phải chỉ nhìn lại sự sống".* Qua những câu như thế, tác giả đã phát biểu quan niệm của mình: *sáng tạo thơ là tìm phương tiện phù hợp để biểu đạt*

luận nào để làm sáng tỏ điều đó?
3. Nhận xét về sự phối hợp các TTLL trong việc làm rõ vấn đề.

B2. Thực hiện nhiệm vụ

- Hs thảo luận nhóm theo bàn (10-12 nhóm) ba câu hỏi trên theo bảng sau:

STT	Thao tác	Biểu hiện
1	....	....
2	....	....
...	....	....
Nhận xét về sự phối hợp của các thao tác:.....		

- Đổi chéo bài làm của các nhóm theo nguyên tắc: G1->G2-> G3->G4....->G1 để nhận xét, bổ sung.

B3. Báo cáo thảo luận

- Đại diện nhóm báo cáo nội dung đã thảo luận
- Các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung và hoàn thiện nội dung vấn đề

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- Hs nhận xét đánh giá
- Gv nhận xét, chốt vấn đề

Nhiệm vụ 4: Học sinh tìm hiểu về mục đích, thái độ của tác giả

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

- HS nhận xét về mục đích và thái độ của tác giả qua bài viết

B2. Thực hiện nhiệm vụ

- Hs thảo luận, trao đổi cặp đôi

B3. Báo cáo thảo luận

- Đại diện cặp báo cáo nội dung đã thảo luận
- Các cặp còn lại lắng nghe, bổ sung và hoàn thiện nội dung vấn đề

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- Hs nhận xét đánh giá
- Gv nhận xét, chốt vấn đề

những rung cảm khác thường của tâm hồn nhà thơ trước cuộc sống. Người làm thơ phải thực sự sống, gắn bó sâu sắc với thực tại, từ đó nảy sinh cảm xúc chân thực, mạnh mẽ.

STT	Thao tác	Biểu hiện
1	Giải thích	Thể hiện ở những câu dẫn ở trên nói về bản chất của việc làm thơ
2	Chứng minh	Hình ảnh "trời xanh", "mưa phùn" và sự tác động của chúng vào hồn người; đoạn ca dao được dẫn ra để cho thấy thơ tác động đến tâm hồn con người chứ không phải đến nhận thức lý trí.
3	Bình luận	Tư tưởng trong thơ không phải là tư tưởng thuần tuý, mà là "tư tưởng dính liền với cuộc sống, ở trong cuộc sống", "nằm ngay trong cảm xúc, tình tự".
4	Bác bỏ	"Thơ không nói bằng ý niệm thuần tuý", vì "nói bằng ý niệm chúng ta sẽ có triết học, luận lí [...] chứ không có tho'"...
- Nhận xét: *Các thao tác nghị luận đã được tác giả phối hợp nhuần nhuyễn, khiến cho quan điểm về sáng tạo thơ có sức thuyết phục.*		

- Quan niệm đó đã được tác giả làm sáng tỏ bằng một số thao tác nghị luận:

4. Tìm hiểu mục đích, thái độ của tác giả

- **Mục đích viết**: Bài tiểu luận viết theo phong cách chính luận - trữ tình, nghị luận kết hợp với tuỳ bút, nghị luận gắn với thực tiễn (cuộc sống, kháng chiến và tâm trạng của bản thân), thể hiện những suy nghĩ, quan niệm của Nguyễn Đình Thi về đặc trưng bản chất của thơ ca nói chung, một phần để trao đổi, đối thoại với một số ý kiến đóng góp cho thơ ông (còn khó hiểu, trúc trắc, không có vần điệu, không bám sát đặc trưng của thơ, xa rời quần chúng…).
- **Thái độ**: Bài viết được triển khai mạch lạc, rõ

	ràng, có sức thuyết phục cao với giọng văn chia sẻ, trao đổi đầy tâm huyết thể hiện thái độ vừa chân thành, vừa cầu thị của một người trong cuộc - đội ngũ những nhà văn, nhà thơ phụng sự cuộc kháng chiến chống xâm lược.

Nội dung 3: TỔNG KẾT

a. Mục tiêu hoạt động:

- Tổng kết, khái quát lại giá trị của văn bản
- Biết cách đọc một văn bản nghị luận văn học

b. Nội dung thực hiện: Học sinh tự sơ đồ hóa giá trị văn bản và rút ra bài học

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, sản phẩm của cá nhân

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - HS sơ đồ hóa nội dung và nghệ thuật của văn bản theo cách của cá nhân **B2. Thực hiện nhiệm vụ** - Hs tự vẽ sơ đồ **B3. Báo cáo thảo luận** - Hs mang sản phẩm báo cáo **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - Hs nhận xét đánh giá - Gv nhận xét, chốt vấn đề	**III. Tổng kết** https://app.zenflowchart.com/mindmap/kdCkeJd2xal6ULOtX4OU?fbclid=IwAR0Gd9S4d0rM1

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu hoạt động:

- Hs củng cố, khắc sâu kiến thức
- Hs thấy được ý nghĩa của văn bản "Mấy ý nghĩ về thơ"

b. Nội dung thực hiện:

-Hs thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của Gv

- Gv hướng dẫn Hs thực hiện và trình bày,

c. Sản phẩm: Kết quả hoạt động của Hs, câu trả lời của Hs

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV đưa ra các nhiệm vụ sau: - ***Nhiệm vụ 1***: Vì sao nội dung nghị luận của văn bản còn có ý nghĩa đối với thực tế sáng tác thơ hiện nay? - ***Nhiệm vụ 2***: Văn bản giúp gì trong việc hiểu bản chất của thơ và việc đọc thơ? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ **Bước 3: Báo cáo kết quả**	- Nội dung nghị luận của văn bản còn có ý nghĩa đối với thực tế sáng tác thơ hiện nay: Những ý kiến được trình bày trong bài viết như đầu mối của thơ là ở bên trong tâm hồn con người; thơ là tiếng nói của cảm xúc mãnh liệt, tư tưởng của thơ phải nằm trong cảm xúc; hình ảnh có vai trò rất lớn trong việc biểu đạt nội dung cảm xúc thơ; ngôn từ trong thơ cần được lựa chọn kĩ lưỡng, phải có nhịp điệu, giai điệu; thơ có thể có vần hoặc không vần; thơ có

- Hs báo cáo ngắn gọn **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận** - HS khác nhận xét - GV nhận xét, kết luận	thể tìm kiếm mọi hình thức biểu hiện khác nhau;... đều rất thoả đáng, phù hợp với thơ hiện nay. - Một số gợi ý cho việc đọc thơ: + Đọc thơ cần có những rung cảm thực sự để thâm nhập vào cảm xúc của bài thơ. + Đọc thơ cần có những kiến thức về đặc trưng ngôn ngữ thơ để hiểu được giá trị biểu đạt của các yếu tố hình thức trong bài thơ.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu hoạt động:
- Hs vận dụng viết đoạn văn NLVH
- Phát triển kĩ năng viết, kết nối "Viết- Đọc"

b. Nội dung thực hiện:
- Hs thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của Gv,
-Gv hướng dẫn Hs trên lớp, hoàn thành bài tập ở nhà. Gv chấm sửa vào tiết học tiếp theo

c. Sản phẩm: Kết quả hoạt động của Hs, bài viết của Hs

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Hs viết đoạn văn kết nối đọc- viết: Cách hiểu về ý kiến: Bài thơ là sợi dây chuyền tình cảm cho người đọc. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ tại nhà **Bước 3: Báo cáo kết quả** - HS báo cáo kết quả trong tiết sau **Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận vào đầu tiết tiếp theo** - HS khác nhận xét - GV nhận xét, kết luận	- Nội dung: Cách hiểu của HS về ý kiến: Bài thơ là sợi dây truyền tình cảm cho người đọc. + Giải thích "Bài thơ là sợi dây chuyền tình cảm cho người độc" nghĩa là gì. + Tại sao "Bài thơ là sợi dây chuyền tình cảm cho người đọc"? + Lấy dẫn chứng trong văn bản làm sáng tỏ ý kiến. - Hình thức: Đảm bảo quy cách một đoạn văn với độ dài khoảng 150 chữ.

4. Củng cố:
- Cách triển khai một VB nghị luận thuyết phục
- Cách kết hợp các thao tác lập luận trong VB nghị luận

5. HDVN:
- Chuẩn bị bài mới: Thực hành tiếng Việt

PHÂN TÍCH PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC SỐ CHO HỌC SINH

TT	Tên hoạt động	Tổ chức dạy học	Năng lực số
1	Hoạt động hình thành kiến thức	- Yêu cầu HS Sử dụng công cụ số để tìm kiếm thông tin nền về tác giả Nguyễn Đình Thi, bối cảnh ra đời của văn bản và quan điểm về	1.1.NC1a Tìm kiếm các bài viết, video phân tích về thơ Nguyễn Đình Thi, các bài thơ được trích dẫn để cảm thụ và hiểu sâu hơn quan điểm của tác giả.

		thơ ca của các nhà thơ cùng thời để phục vụ việc bình luận, so sánh.	

Tiết 32:

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT
LỖI LOGIC, LỖI CÂU MƠ HỒ VÀ CÁCH SỬA

I. MỤC TIÊU
1. Về kiến thức: Giúp HS
- Nhận biết được các biểu hiện của lỗi logic và lỗi câu mơ hồ.
- Biết cách sửa lỗi và rút kinh nghiệm khi thực hành nói và viết.

2. Về năng lực:
- Phát huy khả năng tự học và hợp tác để đáp ứng những yêu cầu của nhiệm vụ học tập. Cụ thể: HS tự nhận biết được lỗi logic, lỗi câu mơ hồ trong các phát ngôn hay trong văn bản của mình khi nói và viết; biết cách khắc phục tình trạng mắc lỗi logic, lỗi câu mơ hồ trong tạo lập văn bản.

3. Về phẩm chất:
- Trân trọng ngôn ngữ dân tộc
- Ý thức giữu gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.

*** Tích hợp phát triển năng lực số:**

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU
1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu, ti vi, máy tính (nếu có)

2. Học liệu: SGK 12 kì 1, SGV 12 kì 1, Bảng giao nhiệm vụ cho HS, giáo án

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC
1. Ổn định tổ chức:

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:
- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình
- Kết nối kiến thức tiếng Việt đã học trước (ở lớp 11 bài lỗi về thành phần câu và cách sửa) với bài học

b. Nội dung: Kiến thức về thành phần câu

c. Sản phẩm: Những hiểu biết, chia sẻ của HS

d. Tổ chức thực hiện: Sử dụng bảng biểu

<table>
<tr><th>Hoạt động của Gv và Hs</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>B1. Chuyển giao nhiệm vụ
- GV cho hs quan sát, đọc các ngữ liệu sau: (GV trình chiếu PW)
<table>
<tr><th>Câu</th><th>Lỗi mắc</th></tr>
<tr><td>1. Anh ta mở khóa, ngồi vào ghế, khởi động xe, mở cửa và lên đường.
2. Ngồi đây suốt buổi sáng mà tôi chỉ câu được vô số con cá chép, thật phí</td><td></td></tr>
</table>
</td><td>- HS trả lời cá nhân.</td></tr>
</table>

công. 3. Đây là dung dịch độc nhất. 4. Cả nhà hát say sưa theo ca sĩ.		

- GV giao nhiệm vụ cho hs: Chỉ ra lỗi các câu trên mắc phải?

B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS tìm lỗi về câu.

B3. Báo cáo thảo luận: HS báo cáo, nhận xét.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, đánh giá, bổ sung tri thức về thành phần câu

(phần sửa lỗi ở phần vận dụng)

Câu	Lỗi mắc
1. Anh ta mở khóa, ngồi vào ghế, khởi động xe, mở cửa và lên đường. 2. Ngồi đây suốt buổi sáng mà tôi chỉ câu được vô số con cá chép, thật phí công. 3. Đây là dung dịch độc nhất. 4. Cả nhà hát say sưa theo ca sĩ.	1. Lỗi logic 2. Lỗi logic 3. Lỗi câu mơ hồ 4. Lỗi câu mơ hồ

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

NHẬN BIẾT: Lỗi logic, lỗi câu mơ hồ và cách sửa (Kiến thức Tiếng Việt được học)

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nhận thức được yêu cầu của chuẩn mực của tiếng Việt về ngữ pháp. Từ đó nhận ra những lỗi logic, lỗi câu mơ hồ thường mắc phải và biết cách sửa lỗi.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
I. NHẬN BIẾT LỖI LOGIC CỦA CÂU VÀ CÁCH SỬA	
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - Dựa vào SGK, trả lời các câu hỏi: + Em hãy cho biết thế nào là lỗi logic của câu? + Chỉ ra các biểu hiện của của câu mắc lỗi logic và hướng chỉnh sửa? Cho ví dụ minh họa? + Nêu những lưu ý khi chỉnh sửa câu mắc lỗi logic? **B2. Thực hiện nhiệm vụ** HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận **B3. Báo cáo thảo luận** - HS trình bày sản phẩm - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV nhận xét, đánh giá, chốt.	**1. Khái niệm/Bản chất:** Lỗi logic chính là lỗi tư duy. Khi tư duy người viết/người nói thiếu sáng sủa, rõ ràng thì sản phẩm ngôn ngữ (câu) sẽ có sự bất cập về hình thức và nội dung. **2. Các biểu hiện của câu mắc lỗi logic và cách sửa** **a. Có sự lẫn lộn về các bình diện khi nói về đối tượng** - VD: *Trong các phóng sự phản ánh hiện thực đời sống Việt Nam trước Cách mạng, Vũ Trọng Phụng là cây bút xuất sắc nhất.* - Cách sửa: Quy các ý về cùng 1 bình diện (bình diện tác giả/bình diện tác phẩm) *+ Trong các phóng sự phản ánh hiện thực đời sống Việt Nam trước Cách mạng, tác phẩm "Cơm thầy cơm cô" của tác giả Vũ Trọng phụng đã gây được tiếng vang lớn.* *+ Trước Cách mạng, ở thể loại phóng sự, Vũ Trọng Phụng là cây bút xuất sắc nhất.*

	b. Có sự mâu thuẫn giữa các ý trong câu - VD: *Việc làm kịp thời này lẽ ra phải được tiến hành từ tháng trước.* - Cách sửa: Lược bỏ 1 trong 2 ý (hoặc ý gắn với từ *kịp thời*/ý gắn với cụm từ *lẽ ra)* *+ Việc làm này lẽ ra phải được tiến hành từ tháng trước.* *+ Việc làm kịp thời này của ban giám đốc đã giúp cho hàng nghìn công nhân có thu nhập ổn định.* **c. Đặt các đối tượng không cùng cấp độ trong quan hệ đồng đẳng** - VD: *Báo in, báo điện tử, các phương tiện truyền thông, đài phát thanh, đài truyền hình,...đều có vai trò quan trọng trong cuộc sống hiện đại.* - Cách sửa: Cần phân chia cấp độ rành mạch cho các đối tượng được nhắc đến. *+ Báo in, báo điện tử đều có vai trò quan trọng trong cuộc sống hiện đại.* *+ Đài phát thanh, đài truyền hình đều có vai trò quan trọng trong cuộc sống hiện đại.* *+ Các phương tiện truyền thông có vai trò rất quan trọng trong cuộc sống hiện đại.* **3. Lưu ý:** - Khi sửa lỗi cần nắm bắt đúng điều người viết muốn biểu đạt để chọn hướng sửa phù hợp. - Trong văn bản văn học có những câu "phi logic" được tác giả chủ động sử dụng với ý đồ nghệ thuật riêng.
II. NHẬN BIẾT LỖI CÂU MƠ HỒ VÀ CÁCH SỬA	
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - Dựa vào SGK, trả lời các câu hỏi: + Em hãy cho biết thế nào là lỗi câu mơ hồ? + Chỉ ra các biểu hiện của của lỗi câu mơ hồ và hướng chỉnh sửa? Cho ví dụ minh họa? + Nêu những lưu ý khi chỉnh sửa lỗi câu mơ hồ? **B2. Thực hiện nhiệm vụ** HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận **B3. Báo cáo thảo luận** - HS trình bày sản phẩm - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV nhận xét, đánh giá, chốt.	**1. Khái niệm/Bản chất:** Lỗi câu mơ hồ là có những trường hợp, câu gợi ra những nghĩa khác nhau, khiến người đọc/người nghe không xác định được người viết/người nói muốn dùng nghĩa nào. **2. Các biểu hiện của lỗi câu mơ hồ và cách sửa** **a. Không có dấu câu tách các vế, do đó, nếu đặt dấu câu ở vị trí khác nhau sẽ cho những nghĩa khác nhau** - VD: *Vườn có nhiều cây cảnh rất đẹp.* - Cách sửa: Cần đặt câu vào ngữ cảnh để biết người viết muốn nói điều gì. Đặt dấu phẩy vào vị trí hợp lí để tách các vế câu. *+ Vườn có nhiều cây cảnh, rất đẹp.* *+ Vườn có nhiều cây, cảnh rất đẹp.* **b. Không cân nhắc khi sắp xếp các đơn vị, khiến người đọc nhận diện khác nhau về từ ngữ trong câu nên hiểu câu theo những nghĩa khác nhau** - VD: *Tôi có cái xe đạp rất nặng.*

	- Cách sửa: Sắp xếp các đơn vị từ ngữ hợp lí. *+ Cái xe đạp của tôi rất nặng.* *+ Tôi có cái xe, đạp rất nặng.* **c. Sắp xếp trật tự các thành phần câu không hợp lí khiến nội dung thông báo của câu thiếu rõ ràng** - VD: *Các ý kiến đánh giá tác phẩm này rất mới mẻ.* - Cách sửa: Thay đổi cấu trúc ngữ pháp của câu. *+ Đánh giá về tác phẩm này, có nhiều ý kiến rất mới mẻ.* *+ Các ý kiến đều đánh giá rằng tác phẩm này rất mới mẻ.* **3. Lưu ý:** - Cần phân biệt câu mơ hồ do sơ suất của người viết với những câu đa nghĩa trong văn bản văn học thể hiện sự sáng tạo nghệ thuật của nhà văn, nhà thơ.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học từ lớp dưới về thành phần câu

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập

c. Sản phẩm:Kết quả của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
III. THỰC HÀNH	
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS làm bài tập1 trong SGK - HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** -HS làm bài tập - Chia nhóm: + Nhóm 1: Làm bài tập 1 + Nhóm 2: Làm bài tập 2 + Nhóm 3: Làm bài tập 3 + Nhóm 4: Làm bài tập 4 **B3. Báo cáo thảo luận** - HS trình bày câu trả lời - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV nhận xét, đánh giá, chốt.	**1. Bài 1:** a. Là nhà thơ mới nhất trong các nhà Thơ mới, *Vội vàng* của Xuân Diệu như một bản tuyên ngôn về cách sống của cái tôi cá nhân. Lỗi logic: - Mâu thuẫn trong khái niệm "nhà thơ mới nhất trong các nhà Thơ mới". "Mới nhất" nghĩa là mới xuất hiện sau cùng, nhưng "nhà Thơ mới" là một phong trào thơ ca đã xuất hiện từ đầu thế kỷ XX. Cách sửa: - Có thể sửa thành: "Là một trong những nhà thơ tiêu biểu của phong trào Thơ mới, *Vội vàng* của Xuân Diệu như một bản tuyên ngôn về cách sống của cái tôi cá nhân." - Hoặc: "Với quan điểm sống vội vàng, mãnh liệt, Xuân Diệu đã thể hiện một cách rõ nét cái tôi cá nhân trong thi phẩm *Vội vàng*." b. Sử dụng điện gió vừa bảo vệ được môi trường, vừa không tốn nhiên liệu như nhà máy nhiệt điện. Lỗi logic: - Mâu thuẫn trong khái niệm "không tốn nhiên liệu". Nhà máy điện gió sử dụng năng lượng gió để sản xuất điện, tuy nhiên, việc xây dựng và vận hành nhà máy điện gió vẫn cần sử dụng nhiên liệu cho các hoạt động như vận chuyển, bảo trì,... Cách sửa:

	- Có thể sửa thành: "Sử dụng điện gió vừa bảo vệ được môi trường, vừa tiết kiệm nhiên liệu so với nhà máy nhiệt điện." - Hoặc: "Điện gió là nguồn năng lượng tái tạo, thân thiện với môi trường, góp phần giảm thiểu khí thải nhà kính và bảo vệ môi trường sống." c. Loan không thích nghệ thuật, vì cô ấy không biết làm thơ. Lỗi logic: - Sai lầm trong suy luận. Không biết làm thơ chỉ là một khía cạnh nhỏ trong nghệ thuật, không thể khẳng định vì không biết làm thơ mà Loan không thích nghệ thuật. Cách sửa: - Có thể sửa thành: "Loan không thích nghệ thuật, vì cô ấy không có hứng thú với các hoạt động nghệ thuật như vẽ tranh, nghe nhạc,...". - Hoặc: "Có thể Loan không thích thơ ca, nhưng điều đó không có nghĩa là cô ấy không thích nghệ thuật." **2. Bài 2:** a. "Không chỉ say mê làm thơ, ông tôi còn rất thích sáng tác bằng thể thơ lục bát và song thất lục bát." Lỗi: Sai ngữ pháp Câu sửa: Ông tôi rất say mê làm thơ, ông thích sáng tác thơ bằng thể thơ lục bát và song thất lục bát. b. "Ăn nhiều rau quả vừa tốt cho sức khỏe lại vừa giảm nguy cơ mắc một số bệnh." Lỗi: Lỗi ngữ pháp hai cụm từ “tốt cho sức khỏe” và “giảm nguy cơ mắc một số bệnh” có ý nghĩa tương đương nhau. Sửa: “Ăn nhiều rau quả rất tốt cho sức khỏe.” c. "Hoàng Phủ Ngọc Tường – một cây bút viết kí được Nguyễn Tuân đánh giá rất cao." Lỗi: Sai logic Sửa: Bỏ "cây bút viết kí" vì "Hoàng Phủ Ngọc Tường" là tên riêng của một nhà văn, không cần thêm giới thiệu chung chung. Câu sửa: "Hoàng Phủ Ngọc Tường – nhà văn được Nguyễn Tuân đánh giá rất cao." d. "Bên cạnh từ đơn và từ ghép, tiếng Việt còn có bộ phận từ Hán Việt." Lỗi: ngữ pháp trong câu liệt kê những đơn vị ngữ pháp ngang hàng nhưng ý nghĩa của chúng không tương đương nhau: “từ đơn và từ ghép” không tương đương với “bộ phận từ Hán Việt” trong từ Hán Việt bao gồm cả từ ghép và láy. Sửa: Bên cạnh từ thuần Việt, tiếng Việt còn có bộ phận từ Hán Việt **3. Bài 3:** a. "Các cảnh sát truy tìm tên tội phạm không để lại dấu vết." Khả năng hiểu:

	- Cách hiểu 1: Các cảnh sát đang truy tìm một tên tội phạm rất thông minh, không để lại bất kỳ dấu vết nào. - Cách hiểu 2: Các cảnh sát đã truy tìm được tên tội phạm, nhưng tên tội phạm này không để lại dấu vết gì tại hiện trường. Lý giải: - Cách hiểu 1: Câu tập trung vào đặc điểm của tên tội phạm ("không để lại dấu vết"). - Cách hiểu 2: Câu tập trung vào hành động của các cảnh sát ("truy tìm"). Sửa: - Cách : "Các cảnh sát đang truy tìm một tên tội phạm rất ma mãnh, không để lại bất kỳ dấu vết nào." - Cách 2: "Các cảnh sát đã truy tìm được tên tội phạm, nhưng hiện trường vụ án không để lại bất kỳ dấu vết nào." b. "Trong vườn hoa cúc nở rộ rực một màu vàng. Khả năng hiểu: - Cách hiểu 1: Trong vườn có nhiều hoa cúc nở rộ, tạo nên một màu vàng rực rỡ. - Cách hiểu 2: Vườn hoa cúc nở rộ với một màu vàng rực rỡ. Lý giải: - Cách hiểu 1: Câu tập trung vào số lượng hoa cúc ("nở rộ"). - Cách hiểu 2: Câu tập trung vào màu sắc của hoa cúc ("rực một màu vàng"). Sửa: - Cách 1: "Vườn hoa cúc nở rộ với vô số bông hoa vàng rực rỡ." - Cách 2: "Vườn hoa cúc nở rộ một màu vàng rực rỡ, thu hút mọi ánh nhìn." c. "Bầu trời in xuống dòng sông xanh ngắt một màu." Khả năng hiểu: - Cách hiểu 1: Bầu trời có màu xanh ngắt, in xuống dòng sông cũng có màu xanh ngắt. - Cách hiểu 2: Bầu trời in hình ảnh của mình xuống dòng sông xanh ngắt. Lý giải: - Cách hiểu 1: Câu tập trung vào màu sắc của bầu trời và dòng sông ("xanh ngắt") - Cách hiểu 2: Câu tập trung vào hành động của bầu trời ("in xuống"). Sửa: - Cách 1: "Bầu trời xanh ngắt in bóng xuống dòng sông cũng mang một màu xanh ngắt. - Cách 2: "Bầu trời trong xanh in hình ảnh của mình xuống dòng sông xanh ngắt, tạo nên một bức tranh phong cảnh tuyệt đẹp." d. "Doanh nghiệp làm ăn có lãi rất nhiều." Khả năng hiểu:

	- Cách hiểu 1: Doanh nghiệp hoạt động kinh doanh và thu được nhiều lợi nhuận - Cách hiểu 2: Doanh nghiệp có mối quan hệ tốt đẹp với nhiều đối tác và thu được nhiều lợi nhuận. Lý giải: - Cách hiểu 1: Câu tập trung vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp ("làm ăn"). - Cách hiểu 2: Câu tập trung vào mối quan hệ của doanh nghiệp ("có lãi"). Sửa: - Cách 1: "Doanh nghiệp hoạt động kinh doanh hiệu quả và thu được lợi nhuận rất nhiều." - Cách 2: "Doanh nghiệp có mối quan hệ tốt đẹp với nhiều đối tác, từ đó thu được lợi nhuận rất nhiều." **4. Bài 4:** a. Hai câu sau của khổ thơ có thể đọc theo nhiều cách khác nhau. - Ngắt nhịp 3/2: *Những sông trưa/không đò* *Những đường mưa/ngẩn trắng* - Ngắt nhịp 2/3: *Những sông /trưa không đò* *Những đường/mưa ngẩn trắng* - Có thể đọc liền mạch, không ngắt nhịp: *Những sông trưa không đò* *Những đường mưa ngẩn trắng* -> Mỗi cách ngắt nhịp cho 1 ý nghĩa khác nhau, nghĩa nào cũng có cơ sở, hai câu thơ này không giới hạn cách hiểu của người đọc. **Cách hiểu:** - Cách hiểu 1: "Anh" là chủ thể trữ tình, mang theo tình yêu của người em qua những địa danh hoang vắng, heo hút. - Cách hiểu 2: "Tình em" là chủ thể ẩn dụ, được "anh" mang đi qua những địa danh, thể hiện sự trân trọng, nâng niu. **Phân tích:** - Cả hai cách hiểu đều phù hợp với ngữ cảnh và logic của bài thơ. - Câu thơ sử dụng nhiều hình ảnh ẩn dụ, gợi cảm giác bâng khuâng. Lỗi câu mơ hồ: - Không có lỗi câu mơ hồ. b. Câu thơ đầu có nhiều khả năng tạo nghĩa, vì giữa *giọt nước mắt* và *vầng trăng* có thể có nhiều những quan hệ khác nhau: *Giọt nước mắt* như *vầng trăng*; *Giọt nước mắt* là *vầng trăng*; *Giọt nước mắt* thành *vầng trăng*; *Giọt nước mắt* của *vầng trăng*...Mỗi tương quan được được xác lập cho một nghĩa khác nhau. **Cách hiểu:**

	- Cách hiểu 1: "Giọt nước mắt" được so sánh với "vầng trăng", long lanh và sáng ngời. - Cách hiểu 2: "Vầng trăng" soi bóng xuống đáy giếng, tạo nên hình ảnh long lanh như giọt nước mắt. **Phân tích:** - Cả hai cách hiểu đều có thể chấp nhận được, nhưng cách hiểu thứ nhất phù hợp với ngữ cảnh và chủ đề bài thơ hơn. - Câu thơ sử dụng phép so sánh độc đáo, thể hiện sự tinh tế trong cảm nhận, sự tài hoa trong việc sử dụng ngôn từ của tác giả. Lỗi câu mơ hồ: - Không có lỗi câu mơ hồ. c. Câu thơ đầu có 2 cách ngắt nhịp: - Ngắt theo nhịp 3/4: *Đất đá ong/khô nhiều suối lệ* - Ngắt theo nhịp 4/3: *Đất đá ong khô/nhiều suối lệ* **Cách hiểu:** - Cách hiểu 1: "Đất đá ong" khô cằn, nứt nẻ, thấm đẫm nước mắt, thể hiện sự gian khổ, vất vả của người dân. - Cách hiểu 2: "Suối lệ" là ẩn dụ cho những giọt nước mắt của người dân, chảy dài trên mảnh đất khô cằn. **Phân tích:** - Cả hai cách hiểu đều có thể chấp nhận được, nhưng cách hiểu thứ hai phù hợp với ngữ cảnh và chủ đề bài thơ hơn. - Câu thơ sử dụng phép ẩn dụ và nhân hóa, thể hiện sự đồng cảm với nỗi đau khổ của người dân. Lỗi câu mơ hồ: - Không có lỗi câu mơ hồ.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:Vận dụng những kiến thức đã học để có thể nhận ra lỗi sai của bạn mình

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để giải quyết bài tập

c. Sản phẩm: Bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

1. Chữa lỗi phần khởi động

Câu	Lỗi mắc	Chữa lỗi
1. Anh ta mở khóa, ngồi vào ghế, khởi động xe, mở cửa và lên đường. 2. Ngồi đây suốt buổi sáng mà tôi chỉ câu được vô số con cá chép, thật phí công. 3. Đây là dung dịch độc nhất. 4. Cả nhà hát say sưa theo ca sĩ.	1. Lỗi logic 2. Lỗi logic 3. Lỗi câu mơ hồ 4. Lỗi câu mơ hồ	1. Anh ta mở khóa, ngồi vào ghế, khởi động xe, đóng cửa và lên đường 2. Ngồi đây suốt buổi sáng mà tôi không câu được vô số con cá chép, thật phí công. 3. Đây là dung dịch độc hại nhất 4. Cả nhà đang hát say sưa theo ca sĩ.

2. Viết đoạn văn ngắn về vai trò/ý nghĩa của sự sáng tạo trong cuộc sống.
3. GV chiếu đoạn văn sau và yêu cầu HS phát hiện lỗi về thành phần câu và sửa lỗi (trên bài làm thực tế của HS)
a. Không chỉ vậy, sự sáng tạo giúp cải tiến các sản phẩm và dịch vụ đã có sẵn để chúng trở nên tốt hơn và đáp ứng nhu cầu của của con người, khiến cuộc sống của con người trở nên dễ dàng hơn. Bên cạnh đó, sự sáng tạo có thể giúp tạo nên sự yêu quý và tạo dựng mối quan hệ tốt giữa con người theo nhiều cách khác nhau. Sự sáng tạo trải nghiệm độc đáo và thú vị.
b. Sự sáng tạo có vai trò và ý nghĩa vô cùng quan trọng trong cuộc sống của chúng ta. Giúp cho con người chăm chỉ hơn, phát triển bản thân mình nhiều hơn, khai thác được nhiều tiềm năng hơn. Bên cạnh đó, sự sáng tạo khiến cho cuộc sống của con người trở nên tối tân hơn, tiện ích hơn, không chỉ giải quyết được những nhu cầu cần thiết mà còn khiến cho cuộc sống thêm thú vị hơn.
c. Bên cạnh đó, sự sáng tạo khiến cho cuộc sống của con người trở nên tối tân hơn, tiện ích hơn, không chỉ giải quyết được những nhu cầu cần thiết mà còn khiến cho cuộc sống thêm thú vị hơn, con người sẽ có nhiều thời gian dành cho bản thân hơn, khám phá được nhiều điều mới lạ, khám phá ra nhiều thứ khác.
d. Sự sáng tạo thời kì phát triển hiện nay này vô cùng quan trọng và cần thiết trong cuộc sống. Người có tính sáng tạo là người năng động làm việc và tìm tòi cái mới. Họ không dễ dàng chấp nhận những gì hiện có, sẵn có. Họ cũng không bắt chước hoặc lặp lại những cách thức cũ mà say mê tìm kiếm những cái mới mẻ, đem lại hữu ích cho cuộc đời.
B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS làm bài
B3. Báo cáo thảo luận: Trao đổi thảo luận
B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét và cho điểm

Gợi ý:

a. Lỗi: thiếu vị ngữ ở câu cuối
Chữa lỗi: Sự sáng tạo có thể giúp tạo ra những trải nghiệm độc đáo và thú vị, giúp tạo dựng và mở rộng mối quan hệ tốt đẹp giữa con người.
b. Lỗi: thiếu chủ ngữ ở câu thứ 2
Chữa lỗi: Sự sáng tạo giúp cho con người chăm chỉ hơn, phát triển bản thân mình nhiều hơn, khai thác được nhiều tiềm năng hơn
c. Lỗi logic: "khám phá được nhiều điều mới lạ" đã bao hàm "khám phá ra nhiều thứ khác"
Chữa lỗi: bỏ cụm từ "khám phá ra nhiều thứ khác"
d. Lỗi câu mơ hồ: Sự sáng tạo thời kì phát triển hiện nay này vô cùng quan trọng và cần thiết trong cuộc sống.
Chữa lỗi: Sự sáng tạo vô cùng quan trọng và cần thiết trong cuộc sống này nhất là thời kì phát triển hiện nay.
4. Củng cố: GV có thể dùng bảng hệ thống để khắc sâu kiến thức cho HS

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

	Lỗi logic của câu	**Lỗi câu mơ hồ**
Khái niệm/Bản chất		
Các biểu hiện và cách sửa lỗi		
Lưu ý		

5. HDVN:
- Hoàn thiện bài tập
- Chuẩn bị: Viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (những hoài bão, ước mơ).

Tiết 33: VIẾT

VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN TUỔI TRẺ (NHỮNG HOÀI BÃO, ƯỚC MƠ)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Hs nắm được yêu cầu của bài nghị luận xã hội theo định hướng nội dung: viết về vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.
- Hs biết tiến hành theo các bước viết một bài văn nghị luận đáp ứng các yêu cầu đã nêu.

2. Về năng lực:

- Nêu được vấn đề có ý nghĩa, liên quan đến những hoài bão, ước mơ của tuổi trẻ để bàn luận.
- Trình bày được hệ thống luận điểm hợp lí, chặt chẽ; sử dụng lí lẽ sắc bén, bằng chứng xác đáng; biết phối hợp hiệu quả các thao tác: chứng minh, bình luận, giải thích, phân tích, bác bỏ, so sánh để tăng sức thuyết phục cho bài viết.
- Nêu và phản bác được ý kiến trái chiều có thể có về vấn đề được bàn luận nhằm củng cố quan điểm của người viết.
- Kết bài gây ấn tượng, thúc giục tuổi trẻ hành động.

*** Tích hợp phát triển năng lực số**

1.1.NC1a Xác định nhu cầu thông tin để phục vụ việc xây dựng luận điểm, lí lẽ, và bằng chứng cho bài văn nghị luận về hoài bão, ước mơ của tuổi trẻ.

1.1.NC1b Sử dụng hiệu quả các công cụ và kỹ thuật tìm kiếm trên môi trường số để thu thập lí lẽ sắc bén, bằng chứng xác đáng phục vụ cho các thao tác chứng minh, bình luận trong bài viết.

3. Về phẩm chất: Tích cực tìm kiếm tư liệu để hoàn thiện bài viết, cẩn trọng để tạo lập một văn bản nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (những hoài bão, ước mơ).

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy tính kết nối tivi, các dụng cụ học tập khác.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu**: Tạo tâm thế thoải mái và hiểu bản chất của một bài văn nghị luận theo định hướng nội dung: về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.

b. Nội dung: HS chia sẻ về hoài bão, ước mơ.

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS về hoài bão, ước mơ của bản thân.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: **GV yêu cầu HS:** Hãy chia sẻ về những hoài bão và ước mơ của em. **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ và trả lời. **B3. Báo cáo thảo luận:** HS chia sẻ. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Giáo viên dẫn dắt vào	Gợi ý: lí tưởng, ước mơ, khát vọng cống hiến,…

bài học.	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1: Tìm hiểu các yêu cầu của kiểu bài

a. **Mục tiêu**: Hs nắm được yêu cầu của bài nghị luận xã hội theo định hướng nội dung: viết về vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.

b. Nội dung: Các yêu cầu của kiểu bài viết

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, trả lời câu hỏi: Theo em, theo kiểu bài nghị luận xã hội viết về vấn đề liên quan đến tuổi trẻ, kết cấu bài viết cần đảm bảo các yêu cầu nào? **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận **B3. Báo cáo thảo luận:** 2-3 nhóm HS đại diện trả lời, các nhóm khác nhận xét. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Gv chốt ý.	**Mục tiêu bài học:** - Vấn đề nghị luận: có liên quan đến những hoài bão, ước mơ của tuổi trẻ - Hệ thống luận điểm hợp lí, chặt chẽ; sử dụng lí lẽ sắc bén, bằng chứng xác đáng. - Phối hợp hiệu quả các thao tác: chứng minh, bình luận, giải thích, phân tích, bác bỏ, so sánh. - Nêu và phản bác được ý kiến trái chiều. - Kết bài gây ấn tượng.

Nội dung 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. **Mục tiêu**: Đọc bài viết tham khảo, trả lời câu hỏi và xác định quy trình viết của kiểu bài nghị luận về vấn đề của tuổi trẻ.

b. Nội dung: Đọc bài viết tham khảo, thực hiện các yêu cầu và xác định quy trình viết.

c. Sản phẩm: HS đọc và thảo luận nhóm, trả lời miệng và ghi chép vào vở.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
****Nội dung 1. Đọc bài viết tham khảo, thực hiện các yêu cầu*** ***B1. Chuyển giao nhiệm vụ:*** *GV giao 1 HS đọc bài viết tham khảo (Chú ý luận đề, vị thế của người viết), nhóm 4 HS thực hiện trả lời các câu hỏi từ SGK:* ***Nhóm 1. Câu 1*** ***Nhóm 2,3. câu 2*** ***Nhóm 4. Câu 3*** ***B2. Thực hiện nhiệm vụ:*** *HS lắng nghe, nhóm HS thảo luận.* ***B3. Báo cáo thảo luận:*** *Đại diện các nhóm HS trả*	**I.Đọc bài tham khảo và thực hiện các yêu cầu** Câu 1. Vấn đề bàn luận: giá trị đích thực của tuổi trẻ, tầm quan trọng của tuổi trẻ, những phẩm chất cần thiết để tuổi trẻ có ý nghĩa và giá trị. Vị trí của người viết: -Là một nhà giáo uyên bác và giàu kinh nghiệm - Là một người từng trải - Là một người tâm huyết với thế hệ trẻ Câu 2. Phân tích cấu trúc nghị luận: ***Luận đề: Giá trị đích thực của tuổi trẻ** **Luận điểm 1. Xây dựng tương lai cho tuổi trẻ** - Lí lẽ + Thanh niên là trụ cột của một xã hội... + Giá trị của tuổi trẻ nằm ở sự chăm chỉ, nỗ lực, dũng cảm; ở sự phấn đấu, sáng tạo, cống hiến. – Bằng chứng + Trịnh Xuân Mười… + Nguyễn Ngọc Bảo Khanh... + Lê Thị Thắm…

lời, HS còn lại góp ý, nhận xét. ***B4. Đánh giá kết quả thực hiện:*** *GV nhận xét, kết luận.* *1.1.NC1a Tìm kiếm thông tin, dữ liệu, các câu chuyện, trích dẫn, hoặc ví dụ thực tế về những tấm gương tuổi trẻ, các dự án/thành tựu, hoặc các thách thức liên quan đến việc thực hiện ước mơ.* *1.1.NC1b Sử dụng từ khóa tìm kiếm chính xác ("hoài bão tuổi trẻ Việt Nam", "ví dụ người trẻ khởi nghiệp", "ý kiến trái chiều về ước mơ"), sử dụng cú pháp tìm kiếm nâng cao (dấu ngoặc kép, dấu trừ) để tìm kiếm các bài viết, báo cáo, hoặc số liệu liên quan.* .	**Luận điểm 2. Học cách đặt mục tiêu** - Lí lẽ + Công nghệ đang giúp bảo vệ tương lai của giới trẻ. + Tuổi trẻ gắn kết hành động toàn cầu. + Động lực, khả năng phục hồi và sự bền bỉ kết hợp các giá trị đạo đức, tạo ra những con người trưởng thành toàn diện. – Dẫn chứng: + 78,6% người được hỏi ý kiến cho rằng công nghệ đang "tạo ra"chứ không phải đang "phá huỷ" việc làm. + Những thách thức toàn cầu, như đại dịch virus Corona hoặc biến đổi khí hậu, cũng như các vấn đề địa phương sẽ ảnh hưởng đến tương lai. + Giêm Đai-xơn (James Dyson) đã xuất sắc khi thi chạy đường dài. * Cách phối hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng: +Lí lẽ được sử dụng làm nền tảng cho bài viết. Mỗi luận điểm đều được trình bày một cách logic, chặt chẽ. +Dẫn chứng được sử dụng để minh hoạ cho lí lẽ, làm cho bài viết thêm sinh động và thuyết phục. Các dẫn chứng được đưa ra đều cụ thể, tiêu biểu và phù hợp với luận điểm. + Sự kết hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng giúp bài viết vừa có tính khoa học, vừa có tính nghệ thuật. Câu 3. Những thao tác nghị luận đã được phối hợp sử dụng trong bài viết là: - Giải thích: Khái niệm "tuổi trẻ", giá trị của tuổi trẻ - Phân tích: + Đặc điểm của tuổi trẻ (sức khoẻ, trí tuệ, nhiệt huyết, dũng cảm, ước mơ,...); + Vai trò của tuổi trẻ (tuổi trẻ có vai trò quan trọng trong việc xây dựng và phát triển đất nước). - Chứng minh: giá trị của tuổi trẻ qua các bằng chứng: + Trịnh Xuân Mười... + Nguyễn Ngọc Bảo Khanh… - Bình luận: về tầm quan trọng của việc rèn luyện ý chí, nghị lực, bản lĩnh và lòng yêu nước cho thế hệ trẻ, bình luận về cách để tuổi trẻ có giá trị.
Tiết 2 ***Nội dung 2. Quy trình viết viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (những hoài bão, ước mơ)** **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập** GV giao HS thảo luận nhóm đôi (10ph): Nếu các bước (quy trình) viết bài	**II. Quy trình viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (những hoài bão, ước mơ)** Xây dựng quy trình viết một bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (những hoài bão, ước mơ) gồm bốn bước: **Bước 1. Chuẩn bị viết** Lựa chọn đề tài có liên quan đến cuộc sống của tuổi trẻ hiện nay (quan niệm sống, định hướng tương lai, việc học tập và rèn luyện, cách ứng xử trong các mối quan hệ,...). **Bước 2. Tìm ý, lập dàn ý** * Để tìm ý, người viết cần tìm câu trả lời cho những câu hỏi

<table>
<tr>
<td>văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (những hoài bão, ước mơ)?
*Tích hợp lí tưởng, đạo đức, cách mạng, lối sống

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ
HS trao đổi làm việc nhóm.
Bước 3. Báo cáo, thảo luận
Đại diện HS 1-2 nhóm trả lời, các nhóm khác nhận xét.
Bước 4. Kết luận, nhận định
Giáo viên chốt những kiến thức và gợi ý theo bảng.</td>
<td>sau:
– Cần giải thích điều gì ở vấn đề vừa nêu?
– Có những khía cạnh nào của vấn đề cần bình luận?
– Cần có định hướng hành động như thế nào sau khi nhận thức được ý nghĩa của vấn đề?
* Trên cơ sở đó, lập dàn ý:
Mở bài: Giới thiệu vấn đề liên quan đến tuổi trẻ, nêu quan điểm của người viết về vấn đề đó.
Thân bài:
–Giải thích từ ngữ, khái niệm để làm rõ bản chất vấn đề cần bàn luận.
– Trình bày các khía cạnh của vấn đề (Vì sao vấn đề này thiết yếu đối với tuổi trẻ? Vấn đề gợi cho tuổi trẻ những suy nghĩ và hành động như thế nào? Cần có những điều kiện gì để tuổi trẻ thực hiện yêu cầu mà vấn đề nêu ra?).
–Với từng luận điểm, cần dùng lí lẽ và bằng chứng phù hợp để lập luận nhằm tạo nên sức thuyết phục của bài viết.
– Bình luận về sự đúng đắn, thiết thực của vấn đề, bác bỏ ý kiến trái ngược để củng cố quan điểm của mình.
– Định hướng hành động của bản thân sau khi nhận thức về vấn đề.
Kết bài: Khái quát lại ý nghĩa của vấn đề, liên hệ với đời sống thực tại, rút ra bài học cho bản thân.
Bước 3. Viết bài
– Triển khai tuần tự các luận điểm, đảm bảo tính mạch lạc và sự liên kết chặt chẽ giữa các câu, các đoạn.
– Bàn về vấn đề liên quan đến tuổi trẻ, cần viết với tâm thế của người trong cuộc, trong lập luận, cần khai thác bằng chứng gắn với các mặt trong đời sống tuổi trẻ, từ những trải nghiệm của bản thân, tránh theo khuôn mẫu, công thức chung chung.
– Thao tác nghị luận và các yếu tố bổ trợ như tự sự, biểu cảm để tăng sức hấp dẫn và thuyết phục cho bài văn.
Bước 4. Chỉnh sửa, hoàn thiện
Đọc lại bài văn đã viết, đối chiếu với các yêu cầu đã nêu ở bước chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý để kiểm tra và chỉnh sửa theo gợi ý:
<table>
<tr><th>Nội dung</th><th>Yêu cầu</th></tr>
<tr><td>Bố cục ba phần</td><td>MB: Vấn đề liên quan đến tuổi trẻ được trình bày như thế nào?
TB:
- Các khía cạnh của vấn đề được triển khai thành các luận điểm không?
- Có hiện tượng mất cân đối giữa các luận điểm không?
- Các phối hợp các thao tác nghị luận không?
KB: Đã liên hệ với đời sống, nêu phương</td></tr>
</table>
</td>
</tr>
</table>

		hướng hành động sau khi nhận thức được ý nghĩa của vấn đề chưa?
	Các lỗi còn mắc	Lỗi về ý: thiếu ý, lặp ý, lạc ý. Lỗi về trình bày, chính tả, dùng từ và diễn đạt.
	Đánh giá chung	Bài viết đáp ứng yêu cầu đạt mức độ nào? Những khó khăn hoặc hứng thú khi thực hành bài viết là gì?

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (Thực hành viết)

a. **Mục tiêu**: Thực hành viết theo quy trình về bài văn nghị luận theo kiểu bài.

b. Nội dung: Lựa chọn một trong các vấn đề sau:

(1) Tác động của cách mạng công nghiệp 4.0 đến xu hướng chọn nghề của giới trẻ

(2) Nhu cầu thưởng thức âm nhạc, phim ảnh của giới trẻ

(3) Ý thức về giới của các bạn trẻ.

(4) Quyền được thử và sai lầm của giới trẻ

(5) Sống theo sở thích cá nhân và sống để phụng sự xã hội

Câu 1. Lập dàn ý bài viết.

Câu 2. Viết một bài văn nghị luận bày tỏ quan điểm về vấn đề đã lựa chọn.

Câu 3. Chỉnh sửa bài văn đã viết.

c. Sản phẩm: Bài viết của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuẩn bị viết**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS lựa chọn một vấn đề từ phần nội dung. **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS chọn vấn đề nghị luận **B3. Báo cáo thảo luận:** HS thống nhất đề tài **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV chốt lại đề tài.	**III. Thực hành viết** **1. Chuẩn bị viết** **Đề 1:** Tác động của cách mạng công nghiệp 4.0 đến xu hướng chọn nghề của giới trẻ.

*** Tìm ý, lập dàn ý:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 để tìm ý và lập dàn ý cho bài viết. **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận **B3. Báo cáo thảo luận:** 2-3 nhóm HS trình, HS nhóm khác nhận xét. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV đánh giá, chốt ý.	**2. Lập dàn ý** ****MB:*** Giới thiệu vấn đề chọn nghề rất quan trọng với giới trẻ, nhất là trước tác động của CMCN 4.0. ***TB:** - CMCN 4.0 là gì? Tác động của CMCN đến đời sống XH (dẫn chứng) - Ảnh hưởng của CMCN đến xu hướng chọn nghề của giới trẻ như thế nào? (dẫn chứng) - Cần phải làm gì để khắc phục ảnh hưởng của CMCN và chọn nghề phù hợp? - Cần nhìn nhận, đánh giá đúng tình hình, tránh phiến diện dẫn đến thái độ, hành vi tiêu cực ra sao? ***KB:*** Ý nghĩa việc chọn nghề phù hợp với thời đại của

	giới trẻ.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. **Mục tiêu**: Thực hành viết hoàn chỉnh bài văn theo kiểu bài

b. Nội dung: Viết bài văn hoàn chỉnh

c. Sản phẩm: Bài viết của HS

d. Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>Hoạt động của Gv và Hs</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS về hoàn chỉnh bài viết đề số 1.
B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS viết bài
B3. Báo cáo thảo luận: HS viết bài, nộp bài vào tiết tiếp theo.
B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV gợi ý Bảng kiểm, gom, chấm bài và nhận xét 1 vài bài ở tiết sau.</td><td>
<table>
<tr><th>STT</th><th>Yêu cầu</th><th>Đạt</th><th>Chưa đạt</th></tr>
<tr><td>1</td><td>- Nêu được vấn đề có ý nghĩa, liên quan đến những hoài bão, ước mơ của tuổi trẻ để bàn luận.</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td></td><td>- Trình bày được hệ thống luận điểm hợp lí, chặt chẽ; sử dụng lí lẽ sắc bén, bằng chứng xác đáng; biết phối hợp hiệu quả các thao tác: chứng minh, bình luận, giải thích, phân tích, bác bỏ, so sánh để tăng sức thuyết phục cho bài viết.</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>2</td><td>- Nêu và phản bác được ý kiến trái chiều có thể có về vấn đề được bàn luận nhằm củng cố quan điểm của người viết.</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td></td><td>- Kết bài gây ấn tượng, thúc giục tuổi trẻ hành động.</td><td></td><td></td></tr>
</table>
</td></tr>
</table>

4. Củng cố: Hệ thống lại kiến thức cơ bản về bố cục bài viết, các thao tác nghị luận…

5. HDVN: Hoàn thiện bài viết sau nhận xét, đánh giá, chuẩn bị cho tiết Nói và Nghe.

PHÂN TÍCH PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC SỐ CHO HỌC SINH

TT	Tên hoạt động	Tổ chức dạy học	Năng lực số
1	Hoạt động hình thành kiến thức	- Yêu cầu HS xác định nhu cầu thông tin để phục vụ việc xây dựng luận điểm, lí lẽ, và bằng chứng cho bài văn nghị luận về hoài bão, ước mơ của tuổi trẻ.	1.1.NC1a Tìm kiếm thông tin, dữ liệu, các câu chuyện, trích dẫn, hoặc ví dụ thực tế về những tấm gương tuổi trẻ, các dự án/thành tựu, hoặc các thách thức liên quan đến việc thực hiện ước mơ.

2	Hoạt động hình thành kiến thức	Yêu cầu HS sử dụng hiệu quả các công cụ và kỹ thuật tìm kiếm trên môi trường số để thu thập lí lẽ sắc bén, bằng chứng xác đáng phục vụ cho các thao tác chứng minh, bình luận trong bài viết.	1.1.NC1b Sử dụng từ khóa tìm kiếm chính xác ("hoài bão tuổi trẻ Việt Nam", "ví dụ người trẻ khởi nghiệp", "ý kiến trái chiều về ước mơ"), sử dụng cú pháp tìm kiếm nâng cao (dấu ngoặc kép, dấu trừ) để tìm kiếm các bài viết, báo cáo, hoặc số liệu liên quan.

Tiết 34: NÓI VÀ NGHE
THUYẾT TRÌNH VỀ MỘT VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN TUỔI TRẺ

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Xác định rõ vấn đề cần thuyết minh
- Biết và chủ động thực hiện việc chuẩn bị để tiến hành bài thuyết trình về một chủ đề cụ thể trước đối tượng người nghe
- Biến cấu trúc bài thuyết trình thành các luận điểm mạch lạc, thể hiện rõ ý kiến cá nhân về vấn đề liên quan đến tuổi trẻ
- Trình bày được bài thuyết trình đúng chủ đề, thời gian quy định (trong tư cách của người nói) và nắm bắt, phản hồi được nội dung bài thuyết trình (trong tư cách người nghe)
- Biết liên hệ, đối chiếu với đời sống thực tế, vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học để thực hiện một nhiệm vụ thực tiễn.

2. Về năng lực:

- Biết cách thuyết trình môt vấn đề xã hội (liên quan đến tuổi trẻ)
- Nghe và nắm bắt được nội dung thuyết trình, quan điểm của người nói, đánh giá về nội dung và hình thức bài thuyết trình.
- Biết thảo luận về một vấn đề xã hội, gần gũi, đưa ra được những lập luận chặt chẽ thuyết phục, lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

3. Về phẩm chất:

- Thể hiện được tinh thần trách nhiệm khi thuyết trình một vấn đề
- Bồi dưỡng khả năng lắng nghe và góp ý trên tinh thần cởi mở và xây dựng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học : Máy tính máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.
2. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức
2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới: GV giới thiệu bài mới bằng lời dẫn: Trong tiết học trước các em đã được học về quy trình viết bài văn nghị luận về vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (những hoài bão và ước mơ). Hôm nay cô và các em vẫn tiếp tục đến với chủ đề đó theo một kĩ năng mới đó là thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu**: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học
b. Nội dung: Chia sẻ về những ước mơ nghề nghiệp trong tương lai
c. Sản phẩm: HS trình bày ý kiến cá nhân những ước mơ nghề nghiệp trong tương lai.
d. Tổ chức thực hiện:
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV chiếu một số hình ảnh về các công việc ngành nghề trong cuộc sống sau đó giao nhiệm vụ học tập
Hãy chia sẻ về ước mơ nghề nghiệp trong tương lai của các em?
B2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh trả lời câu hỏi
B3. Báo cáo thảo luận: GV chọn 3 - 5 HS trình bày. Học sinh chia sẻ
B4. Đánh giá kết quả thực hiện:
Trên cơ sở những ý kiến khác nhau đó, GV dẫn dắt, kết nối với bài học

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Các bước thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ

a. Mục tiêu:
- Nhận biết được một số yêu cầu khi thuyết trình về vấn đề liên quan đến tuổi trẻ
- HS biết cách chuẩn bị cho bài thuyết trình
- Đánh giá được yêu cầu đối với người nói và người nghe

b. Nội dung: Các bước thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ
c. Sản phẩm: HS trả lời
d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV chia lớp theo 4 nhóm giao nhiệm vụ theo câu hỏi đối với từng nhóm, sau đó mỗi nhóm cử đại diện lên trình bày: **Nhóm 1:** Nêu yêu cầu khi thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ? **Nhóm 2**: Nêu các bước chuẩn bị cho bài thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ **Nhóm 3:** Khi thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ thì cần có những yêu cầu gì đối với người nói? **Nhóm 4:** Khi thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ thì cần có những yêu cầu gì đối với người nghe? **B2. Thực hiện nhiệm vụ** HS thảo luận, trả lời **B3. Báo cáo thảo luận** HS cử đại diện chia sẻ **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV chốt kiến thức	**I. Một số yêu cầu khi thuyết trình về vấn đề liên quan đến tuổi trẻ** **Câu 1:** - Nêu được vấn đề có ý nghĩa để thuyết trình - Xác định được mối liên hệ giữa vấn đề với đời sống của giới trẻ - Làm rõ được từng khía cạnh của vấn đề, đánh giá được tiêu cực và tích cực của các cách nhìn nhận vấn đề - Đảm bảo tính chính xác, khách quan về các thông tin có liên quan đến vấn đề - Rút ra được ý nghĩa của bài thuyết trình **II. Chuẩn bị nói** **Câu 2**: các bước chuẩn bị cho bài thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ là: - Xác định đối tượng: GV và các bạn trong lớp - Mục đích bài nói: trình bày ý kiến cá nhân về vấn đề liên quan đến tuổi trẻ - Lập dàn ý bài nói - Thời gian thực hiện bài nói: 5- 7 phút - Phương tiện hỗ trợ: Video, hình ảnh, loa đài **Câu 3**: Yêu cầu gì đối với người nói : - Tác phong tự tin đĩnh đạc - Giới thiệu vấn đề sinh động ,hấp dẫn - Giọng nói lưu loát, truyền cảm **Câu 4**: Yêu cầu đối với người nghe: - Tích cực lắng nghe

	- Thái độ tiếp thu, chú ý - Ghi chép nội dung

2. Xây dựng quy trình thuyết trình về vấn đề liên quan đến tuổi trẻ

a. Mục tiêu:

- Biết và chủ động thực hiện việc chuẩn bị để tiến hành bài thuyết trình về một chủ đề cụ thể trước đối tượng người nghe
- Biến cấu trúc bài thuyết trình thành các luận điểm mạch lạc, thể hiện rõ ý kiến cá nhân về vấn đề liên quan đến tuổi trẻ
- Trình bày được bài thuyết trình đúng chủ đề, thời gian quy định (trong tư cách của người nói) và nắm bắt, phản hồi được nội dung bài thuyết trình (trong tư cách người nghe)

b. Nội dung:

- Học sinh đọc thật kĩ các thao tác chuẩn bị nói và nghe
- Học sinh chuẩn bị bài nói dưới dạng dàn ý và chia sẻ bài nói

c. Sản phẩm: HS trả lời, thuyết trình

d. Tổ chức thực hiện

<table>
<tr><th>Hoạt động của Gv và Hs</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>*Tích hợp lí tưởng, đạo đức, cách mạng, lối sống</td><td>
1. Lựa chọn đề tài: Đề tài của bài nói có thể được khai thác từ đề tài của bài viết ở trên.
2. Tìm ý và sắp xếp ý
Dựa vào nội dung bài viết để lập dàn ý cho bài thuyết trình, chú ý điều chỉnh cho phù hợp với hoạt động nói và nghe. (Đối với đề tài mới thì cần tìm ý và lập dàn ý)
3. Thực hành nói
- Mở đầu: Giới thiệu vấn đề liên quan đến tuổi trẻ, chọn cách giới thiệu gây được chú ý cho người nghe.
- Triển khai: Đi sâu vào từng khía cạnh của vấn đề, làm rõ sự liên quan của từng khía cạnh đó đối với đời sống của giới trẻ, lí giải và nêu cách thức ứng xử…
- Kết luận: Làm rõ ý nghĩa của việc thuyết trình về vấn đề.
4. Trao đổi, đánh giá
- Người nghe có thể nhận xét về sự cần thiết của vấn đề được đề cập, sức thuyết phục của bài thuyết trình, độ chính xác của các thông tin đã nêu, cách sử dụng ngôn ngữ và các yếu tố phi ngôn ngữ của người nói. Nếu có khía cạnh nào chưa rõ, yêu cầu người nói giải thích thêm
- Người nói cần làm rõ thêm những ý mà người nghe nêu thắc mắc, trao đổi lại các ý kiến đánh giá về nội dung và cách thực hiện bài thuyết trình
- Thực hiện tự đánh giá và đánh giá về bài thuyết trình dựa trên các nội dung được nêu trong bảng sau:
<table>
<tr><th rowspan="2">STT</th><th rowspan="2">Nội dung đánh giá</th><th colspan="2">Kết quả</th></tr>
<tr><th>Đạt</th><th>SĐ</th></tr>
<tr><td>1</td><td>Nêu được vấn đề có ý nghĩa để thuyết trình.</td><td></td><td></td></tr>
</table>
</td></tr>
</table>

	2	Xác định mối liên hệ giữa vấn đề với đời sống của giới trẻ.		
	3	Làm rõ được từng khía cạnh của vấn đề, đánh giá được tính tích cực hay tiêu cực của các cách nhìn nhận về vấn đề.		
	4	Đảm bảo tính cụ thể', chính xác của các thông tin liên quan.		
	5	Rút ra được ý nghĩa của việc thuyết trình về vấn đề.		

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE)

a. Mục tiêu:

- Trình bày được bài thuyết trình đã chuẩn bị.
- Vận dụng năng lực ngôn ngữ và kĩ năng thuyết trình thực hành bài nói và nghe
- Biết cách sử dụng các phương tiện hỗ trợ để phần diễn đạt thêm sinh động, thuyết phục

b. Nội dung: Trình bày bài thuyết trình khai thác từ đề tài của bài viết

c. Sản phẩm: Bài thuyết trình của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:HS vận dụng kiến thức đã học đã hoàn thành bài nói và nghe

B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ cho HS như mục *Nội dung*

B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ

B3. Báo cáo thảo luận: HS suy nghĩ, trình bày trước lớp

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

GV gọi 1-2 hs lên trình bày, sau đó tổng hợp nhận xét và đánh giá bài thuyết trình theo bảng sau:

STT	Tiêu chí	Mức độ		
		Chưa đạt (0 điểm)	**Đạt (1 điểm)**	**Tốt (2 điểm)**
1	Nội dung xoay quanh vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.	Nội dung sơ sài, chưa có đủ luận cứ để người nghe hiểu vấn đề.	Có đủ luận cứ để người nghe hiểu vấn đề.	Vấn đề hấp dẫn, tính giáo dục cao.
2	Nói to, rõ ràng, truyền cảm.	Nói nhỏ, khó nghe, nói ngập ngừng, lặp.	Nói to, nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng.	Nói to, truyền cảm, không lặp lại hay ngập ngừng.
3	Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp.	Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm, biểu cảm chưa phù hợp.	Điệu bộ tự tin, vào người nghe; biểu cảm chưa phù hợp với nội dung vấn đề.	Điệu bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động.

4	Mở đầu và kết thúc hợp lí.	Không chào hỏi hoặc không có lời kết thúc bài nói.	Có chào hỏi, có lời kết thúc nhưng chưa ấn tượng.	Chào hỏi, kết thúc bài nói rất ấn tượng.
	ĐIỂM	**Tổng điểm: /10**		

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ

b. Nội dung: HS được yêu cầu lựa chọn một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ mà mình quan tâm để thuyết trình trước lớp (tự chọn)

c. Sản phẩm: Bài thuyết trình của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ cho HS

B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ tại nhà theo yêu cầu của bài thuyết trình đã nắm được trên lớp.

B3. Báo cáo thảo luận: Tất cả học sinh gửi video bài thuyết trình cho GV vào thời gian thích hợp**.** Buổi học kế tiếp GV sẽ gọi 1-2 hs thực hiện thuyết trình

B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét đánh giá

4. Củng cố: GV nhắc lại nội dung chính của bài nói và nghe

5. HDHB: xem trước nội dung bài 4: " Yếu tố kì ảo trong truyện kể"